

TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI
VIỆN ĐIỆN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KÌ 20161- VIỆN ĐIỆN

TT	Mã Lớp	Mã Lớp kèm	Mã HP	Tên học phần	SLSV	Thứ	Thời gian	Tiết bđ	Tiết kt	Tuần học	Phòng	Cán bộ GD	BM
1	91402		EE4611	An ninh và quản trị mạng	46	6	0920-1150	4	6	2-9,11-18	D5-101	Trần Hoài Linh	ĐL
2	93673		EE4611	An ninh và quản trị mạng	20	5	1505-1735	4	6	2-9,11-18	D6-303	Trần Hoài Linh	ĐL
3	91396		EE4231	Bảo dưỡng công nghiệp	79	5	0645-0915	1	3	2-9,11-18	TC-212	Phùng Anh Tuấn	TBĐ
4	91347		EE4040	Bảo vệ và điều khiển HTĐ I	78	4	1230-1405	1	2	2-9,11-18	TC-213	Nguyễn Xuân Tùng	HTĐ
5	91347			Bảo vệ và điều khiển HTĐ I		6	1600-1735	5	6	2-9,11-18	TC-407	Nguyễn Xuân Tùng	HTĐ
6	93714		EE3616	Biến đổi tín hiệu số và ứng dụng	40	6	1415-1735	3	6	2-9,11-18	D5-205	Phạm Thị Ngọc Yến; Nguyễn Thị Huệ	ĐL
7	93667		EE4604	Các hệ thống thời gian thực	20	4	1600-1735	5	6	2-9,11-18	D6-303	Nguyễn Quốc Cường	ĐL
8	91380		EE5071	Các nguồn năng lượng tái tạo	61	2	0830-1005	3	4	2-9,11-18	TC-308	Lê Thị Minh Châu	HTĐ
9	91108		EE3059	Cảm biến đo lường và xử lý tín hiệu đo	46	2	0920-1150	4	6	2-9,11-18	TC-508	Đào Đức Thịnh	ĐL
10	93672		EE4610	Cảm biến và đo lường thông minh	20	4	1415-1550	3	4	2-9,11-18	D6-303	Nguyễn Thị Lan Hương	ĐL
11	91379		EE5070	Chuyên đề NMĐ nguyên tử	38	2	0645-0820	1	2	2-9,11-18	TC-308	Lê Đức Tùng	HTĐ
12	93700		EE3646	Cơ sở điện tử công suất	26	4	0645-0820	1	2	2-9,11-18	D6-102	Trần Văn Thịnh	TBĐ
13	91369		EE4253	Cơ sở dữ liệu	97	2	1230-1500	1	3	2-9	TC411	Vũ Hải	Mika
14	91369			Cơ sở dữ liệu		5	1505-1735	4	6	2-9	TC411	Vũ Hải	Mika
15	90533		EE4111	Công nghệ phát điện	52	3	1415-1550	3	4	2-9,11-18	D9-102	Trương Ngọc Minh	HTĐ
16	90332		EE3421	Cung cấp điện	32	4	0645-1005	1	4	2-9,11-18	D9-107	Bạch Quốc Khánh	HTĐ
17	93669		EE4606	Đánh giá hiệu năng của các quá trình sản xuất	20	4	1230-1405	1	2	2-9,11-18	D6-303	Nguyễn Anh Tuấn	ĐL
18	93557		EE3736	Điện tử 1	52	4	1320-1735	2	6	2-9,11-18	D6-304	Nguyễn Cảnh Quang	ĐL
19	91317		EE3410	Điện tử công suất	66	6	0645-0915	1	3	2-9,11-18	T-403	Hà Xuân Hòa	TBĐ
20	91329		EE3410	Điện tử công suất	113	5	0645-0915	1	3	2-9,11-18	T-409	Trần Trọng Minh	TĐH
21	91330		EE3410	Điện tử công suất	96	5	0920-1150	4	6	2-9,11-18	T-409	Đỗ Mạnh Cường	TĐH
22	91331		EE3410	Điện tử công suất	74	4	0645-0915	1	3	2-9,11-18	T-409	Phạm Việt Phương	TĐH
23	91332		EE3410	Điện tử công suất	88	4	0920-1150	4	6	2-9,11-18	T-409	Vũ Hoàng Phương	TĐH
24	93479		EE3410	Điện tử công suất	24	4	1230-1500	1	3	2-9,11-18	D6-104	Võ Minh Chính	TĐH
25	90621		EE3109	Điện tử tương tự và điện tử số	82	5	1505-1735	4	6	2-9,11-18	T-403	Nguyễn Tuấn Ninh	ĐL
26	93717		EE3596	Điện tử tương tự và ứng dụng	32	4	0645-0915	1	3	2-9,11-18	D6-104	Nguyễn Quốc Cường	ĐL
27	93417		EE4424	Điều khiển hệ Euler-Lagrange	18	3	1600-1735	5	6	2-9,11-18	D6-101	Đào Phương Nam	ĐK
28	91353		EE4220	Điều khiển logic và PLC	68	3	1230-1550	1	4	2-9,11-18	TC-411	Dương Minh Đức	TĐH
29	91354		EE4220	Điều khiển logic và PLC	87	3	1600-1735	5	6	2-9,11-18	TC-411	Phan Thị Huyền Châu	TĐH
30	91354			Điều khiển logic và PLC		6	1230-1405	1	2	2-9,11-18	TC-411	Phan Thị Huyền Châu	TĐH

TT	Mã Lớp	Mã Lớp kèm	Mã HP	Tên học phần	SLSV	Thứ	Thời gian	Tiết bđ	Tiết kt	Tuần học	Phòng	Cán bộ GD	BM
31	93445		EE4220	Điều khiển logic và PLC	24	3	0830-1150	3	6	2-9,11-18	D6-102	Vũ Văn Hà	ĐK
32	91392		EE4540	Điều khiển máy CNC	72	5	0920-1150	4	6	2-9,11-18	TC-212	Nguyễn Tùng Lâm	TĐH
33	93552		EE4319E	Điều khiển mờ và mạng nơron	18	6	0645-0915	1	3	2-9,11-18	D5-205	Nguyễn Hoài Nam	ĐK
34	91383		EE4420	Điều khiển mờ và mạng nơron	129	6	0920-1150	4	6	2-9,11-18	TC-306	TS. Nguyễn Hoài Nam	ĐK
35	91419		EE4225	Điều khiển PLC và mạng công nghiệp	84	4	1015-1150	5	6	2-9,11-18	TC-306	Hà Tất Thắng	TĐH
36	91420		EE4225	Điều khiển PLC và mạng công nghiệp	80	4	0830-1005	3	4	2-9,11-18	TC-306	Đỗ Trọng Hiếu	TĐH
37	91345		EE3550	Điều khiển quá trình	24	6	0920-1150	4	6	2-9,11-18	T-402	TS. Nguyễn Thu Hà	ĐK
38	93550		EE3550E	Điều khiển quá trình	18	5	0830-1150	3	6	2-9,11-18	D6-306	Đinh Thị Lan Anh	ĐK
39	91348		EE4070	Điều khiển thiết bị điện	18	2	1230-1500	1	3	2-9	TC-213	Nguyễn Thanh Sơn	TĐH
40	91348			Điều khiển thiết bị điện		5	1505-1735	4	6	2-9	TC-213	Nguyễn Thanh Sơn	TĐH
41	91385		EE4347	Điều khiển truyền động điện	86	4	1015-1150	5	6	2-9,11-18	TC-308	Nguyễn Phùng Quang	TĐH
42	91385			Điều khiển truyền động điện		6	0645-0820	1	2	2-9,11-18	TC-308		TĐH
43	90787		EE3339	Điều khiển và tự động hóa QTSX	23	5	1230-1550	1	4	2-9,11-18	TC-211	Võ Việt Sơn	TĐH
44	91381		EE4121	Đo lường cao áp và kiểm tra không phá hủy	65	2	1015-1150	5	6	2-9,11-18	TC-308	Đinh Quốc Trí	HTĐ
45	93671		EE4608	Đo và điều khiển công nghiệp	20	3	1230-1500	1	3	2-9,11-18	D6-303	Bùi Đăng Thành, Nguyễn Thị Huệ	ĐL
46	91399		EE4524	Đo và kiểm tra không phá hủy	28	5	0645-0820	1	2	2-9,11-18	D9-102	Cung Thành Long	ĐL
47	91815		EE4536	Dụng cụ và hệ thống tự động hóa đo trong xử lý môi trường	37	5	1505-1735	4	6	2-9,11-18	D9-102	Nguyễn Thanh Hường	ĐL
48	85479		EE2018	Electrical Engineering	36	5	0645-0915	1	3	2-9,11-18	D9-407	Nguyễn Bích Liên	TĐH
49	93416		EE4416	Hệ sự kiện rời rạc	19	3	1230-1550	1	4	2-9,11-18	D6-101	Đinh Thị Lan Anh	ĐK
50	91416		EE3411	Hệ thống biến đổi điện cơ	81	3	0645-0915	1	3	2-9,11-18	TC-306	Tạ Duy Hà	TĐH
51	91417		EE3411	Hệ thống biến đổi điện cơ	74	3	0920-1150	4	6	2-9,11-18	TC-306	Võ Minh Chính	TĐH
52	91810		EE3423	Hệ thống cung cấp điện	63	4	1505-1735	4	6	2-9,11-19	D5-101	Lê Việt Tiến	HTĐ
53	91318		EE3425	Hệ thống cung cấp điện	129	6	0920-1150	4	6	2-9,11-20	T-403	Lê Việt Tiến	HTĐ
54	90645		EE3469	Hệ thống cung cấp điện	16	3	1600-1735	5	6	2-9,11-21	D5-201	Phạm Năng Văn	HTĐ
55	91374		EE4241	Hệ thống cung cấp điện cho các tòa nhà	53	6	0645-0915	1	3	2-9,11-18	TC-309	Nguyễn Văn Ánh	TĐH
56	91418		EE3551	Hệ thống điều khiển quá trình	84	6	0645-0915	1	3	2-9,11-18	TC-306	ThS. Đinh Thị Lan Anh	ĐK
57	91356		EE4435	Hệ thống điều khiển số	91	2	1230-1500	1	3	2-9,11-18	TC-212	TS. Vũ Thị Thúy Nga	ĐK
58	91357		EE4435	Hệ thống điều khiển số	73	2	1505-1735	4	6	2-9,11-18	TC-212	ThS. Chu Đức Việt	ĐK
59	91358		EE4435	Hệ thống điều khiển số	30	5	1505-1735	4	6	2-9,11-18	TC-212	ThS. Đặng Văn Mỹ	ĐK
60	91397		EE4435	Hệ thống điều khiển số	84	3	0645-0915	1	3	2-9,11-18	D5-101	Thay Quang	TĐH
61	93448		EE4435	Hệ thống điều khiển số	25	4	0645-0915	1	3	2-9,11-18	D6-101	Vũ Thị Thúy Nga	ĐK
62	93549		EE4435E	Hệ thống điều khiển số	18	2	0830-1150	3	6	2-9,11-18	D6-306	Chu Đức Việt	ĐK
63	91352		EE3600	Hệ thống đo và điều khiển công nghiệp	27	2	1230-1500	1	3	11-18	TC-213	Nguyễn Anh Tuấn	ĐL
64	91352			Hệ thống đo và điều khiển công nghiệp		5	1505-1735	4	6	11-18	TC-213	Nguyễn Anh Tuấn	ĐL
65	91390		EE4330	Hệ thống sản xuất Tự động hóa tích hợp máy tính	84	5	0645-0915	1	3	2-9,11-18	TC-308	Phan Thị Huyền Châu	TĐH

TT	Mã Lớp	Mã Lớp kèm	Mã HP	Tên học phần	SLSV	Thứ	Thời gian	Tiết bđ	Tiết kt	Tuần học	Phòng	Cán bộ GD	BM
66	91388		EE4300	Hệ thống thu thập dữ liệu và điều khiển bằng máy tính	77	6	0830-1150	3	6	2-9,11-18	TC-308	Hà Tất Thắng	TĐH
67	93578		EE3009E	Hệ thống truyền thông công nghiệp	36	4	1600-1735	5	6	2-9,11-18	D6-301	Bùi Đăng Thành	ĐL
68	91394		EE5220	Hệ thống tự động hóa nhà máy giấy	24	4	1505-1735	4	6	2-9,11-18	T-410	Phạm Quang Đăng	TĐH
69	91395		EE4323	Hệ thống tự động hóa nhà máy nhiệt điện	90	3	0920-1150	4	6	2-9,11-18	TC-212	Nguyễn Huy Phương	TĐH
70	91393		EE4325	Hệ thống tự động hóa nhà máy xi măng	91	3	0645-0915	1	3	2-9,11-18	TC-212	Nguyễn Mạnh Tiến	TĐH
71	91414		EE2201	Hệ thống và thiết bị điều khiển	117	2	0645-0915	1	3	2-9,11-18	TC-306	TS. Nguyễn Trọng Thuần	ĐK
72	91415		EE2201	Hệ thống và thiết bị điều khiển	75	2	0920-1150	4	6	2-9,11-18	TC-306	TS. Vũ Văn Hà	ĐK
73	91816		EE2200	Hệ thống và thiết bị đo	46	6	1505-1735	4	6	2-9,11-18	D5-105	Lê Thị Thanh Hà	ĐL
74	91320		EE3242	Khí cụ điện	130	5	1015-1150	5	6	2-9,11-18	T-410	Nguyễn Văn Ánh	TĐĐ
75	91349		EE4090	Khí cụ điện cao áp	97	2	1505-1735	4	6	2-9,11-18	TC-213	Đặng Chí Dũng	TĐĐ
76	91350		EE4090	Khí cụ điện cao áp	59	5	1230-1500	1	3	2-9,11-18	TC-213	Đặng Chí Dũng	TĐĐ
77	91382		EE4502	Kỹ thuật cảm biến	64	4	0645-1005	1	4	2-9,11-18	TC-308	Hoàng Sĩ Hồng	ĐL
78	91351		EE4082	Kỹ thuật chiếu sáng	30	3	1230-1550	1	4	2-9,11-18	TC-213	Phạm Hùng Phi	TĐĐ
79	90342		EE2010	Kỹ thuật điện		2	1415-1550	3	4	2-9,11-18	TC-204	Nguyễn Nga Việt	TĐĐ
80	90343	90342	EE2010	Kỹ thuật điện	67	5	1600-1735	5	6	2,4,6,8,12,14,16,18	TC-209	Nguyễn Nga Việt	TĐĐ
81	90344	90342	EE2010	Kỹ thuật điện	64	5	1600-1735	5	6	3,5,7,9,11,13,15,17	TC-209	Nguyễn Nga Việt	TĐĐ
82	90376		EE2010	Kỹ thuật điện		5	0645-0820	1	2	2-9,11-18	D6-209	Nguyễn Thế Công	TĐĐ
83	90377	90376	EE2010	Kỹ thuật điện	100	6	1015-1150	5	6	2,4,6,8,12,14,16,18	D3-507	Nguyễn Thế Công	TĐĐ
84	90378	90376	EE2010	Kỹ thuật điện	100	6	1015-1150	5	6	3,5,7,9,11,13,15,17	D3-507	Nguyễn Thế Công	TĐĐ
85	90902		EE2010	Kỹ thuật điện		6	1015-1150	5	6	2-9,11-18	D9-206	Nguyễn Bích Liên	TĐĐ
86	90903	90902	EE2010	Kỹ thuật điện	74	4	1015-1150	5	6	2,4,6,8,12,14,16,18	D5-202	Nguyễn Bích Liên	TĐĐ
87	90904	90902	EE2010	Kỹ thuật điện	48	4	1015-1150	5	6	3,5,7,9,11,13,15,17	D5-202	Nguyễn Bích Liên	TĐĐ
88	90648		EE2010	Kỹ thuật điện		2	1015-1150	5	6	2-9,11-18	D9-201	Trần Tuấn Vũ	TĐĐ
89	90649	90648	EE2012	Kỹ thuật điện	98	4	1015-1150	5	6	2,4,6,8,12,14,16,18	D9-106	Trần Tuấn Vũ	TĐĐ
90	90650	90648	EE2012	Kỹ thuật điện	102	4	1015-1150	5	6	3,5,7,9,11,13,15,17	D9-106	Trần Tuấn Vũ	TĐĐ
91	90914		EE2012	Kỹ thuật điện		3	0920-1100	4	5	2-9,11-18	D9-101	Bùi Minh Định	TĐĐ
92	90915	90914	EE2012	Kỹ thuật điện	99	4	1015-1150	5	6	2,4,6,8,12,14,16,18	D9-206	Bùi Minh Định	TĐĐ
93	90916	90914	EE2012	Kỹ thuật điện	100	4	1015-1150	5	6	3,5,7,9,11,13,15,17	D9-206	Bùi Minh Định	TĐĐ
94	90923		EE2012	Kỹ thuật điện		3	0735-0915	2	3	2-9,11-18	D9-106	Trần Tuấn Vũ	TĐĐ
95	90924	90923	EE2012	Kỹ thuật điện	65	6	0830-1005	3	4	2,4,6,8,12,14,16,18	D5-202	Trần Tuấn Vũ	TĐĐ
96	90925	90923	EE2012	Kỹ thuật điện	25	6	0830-1005	3	4	3,5,7,9,11,13,15,17	D5-202	Trần Tuấn Vũ	TĐĐ
97	90935		EE2012	Kỹ thuật điện		2	1015-1150	5	6	2-9,11-18	D9-206	Nguyễn Bích Liên	TĐĐ
98	90936	90935	EE2012	Kỹ thuật điện	74	6	0645-0820	1	2	2,4,6,8,12,14,16,18	T-405	Nguyễn Bích Liên	TĐĐ
99	90937	90935	EE2012	Kỹ thuật điện	55	6	0645-0820	1	2	3,5,7,9,11,13,15,17	T-405	Nguyễn Bích Liên	TĐĐ
100	91036		EE2012	Kỹ thuật điện		5	1015-1150	5	6	2-9,11-18	TC-412	Nguyễn Bích Liên	TĐĐ

TT	Mã Lớp	Mã Lớp kèm	Mã HP	Tên học phần	SLSV	Thứ	Thời gian	Tiết bđ	Tiết kt	Tuần học	Phòng	Cán bộ GD	BM
101	91037	91036	EE2012	Kỹ thuật điện	70	3	0645-0820	1	2	2,4,6,8,12,14,16,18	TC-509	Nguyễn Bích Liên	TBĐ
102	91038	91036	EE2012	Kỹ thuật điện	70	3	0645-0820	1	2	3,5,7,9,11,13,15,17	TC-509	Nguyễn Bích Liên	TBĐ
103	91039		EE2012	Kỹ thuật điện	70	3	0830-1005	3	4	3,5,7,9,11,13,15,17	TC-509	Nguyễn Bích Liên	TBĐ
104	91044		EE2012	Kỹ thuật điện		2	1015-1150	5	6	2-9,11-18	TC-412	Nguyễn Thế Công	TBĐ
105	91045	91044	EE2012	Kỹ thuật điện	70	3	0830-1005	3	4	2,4,6,8,12,14,16,18	TC-509	Nguyễn Thế Công	TBĐ
106	91046	91044	EE2012	Kỹ thuật điện	69	3	1015-1150	5	6	2,4,6,8,12,14,16,18	TC-509	Nguyễn Thế Công	TBĐ
107	91047	91044	EE2012	Kỹ thuật điện	70	3	1015-1150	5	6	3,5,7,9,11,13,15,17	TC-509	Nguyễn Thế Công	TBĐ
108	91234		EE2012	Kỹ thuật điện		3	1015-1150	5	6	2-9,11-18	TC-407	Nguyễn Nga Việt	TBĐ
109	91235	91234	EE2012	Kỹ thuật điện	46	5	0830-1005	3	4	2,4,6,8,12,14,16,18	T-407	Nguyễn Nga Việt	TBĐ
110	91236	91234	EE2012	Kỹ thuật điện	59	5	0830-1005	3	4	3,5,7,9,11,13,15,17	T-407	Nguyễn Nga Việt	TBĐ
111	91431		EE2012	Kỹ thuật điện		3	1600-1735	5	6	2-9,11-18	TC-405	Hà Xuân Hòa	TBĐ
112	91432	91431	EE2012	Kỹ thuật điện	76	6	1600-1735	5	6	3,5,7,9,11,13,15,17	T-408	Hà Xuân Hòa	TBĐ
113	91433	91431	EE2012	Kỹ thuật điện	75	6	1415-1550	3	4	2,4,6,8,12,14,16,18	T-407	Hà Xuân Hòa	TBĐ
114	91443		EE2012	Kỹ thuật điện		3	1230-1405	1	2	2-9,11-18	TC-504	Bùi Minh Định	TBĐ
115	91444	91443	EE2012	Kỹ thuật điện	75	6	1230-1405	1	2	2,4,6,8,12,14,16,18	T-406	Bùi Minh Định	TBĐ
116	91445	91443	EE2012	Kỹ thuật điện	75	6	1415-1550	3	4	3,5,7,9,11,13,15,17	T-410	Bùi Minh Định	TBĐ
117	91455		EE2012	Kỹ thuật điện		3	1415-1550	3	4	2-9,11-18	TC-505	Hà Xuân Hòa	TBĐ
118	91456	91455	EE2012	Kỹ thuật điện	75	4	1600-1735	5	6	3,5,7,9,11,13,15,17	T-408	Hà Xuân Hòa	TBĐ
119	91457	91455	EE2012	Kỹ thuật điện	74	4	1415-1550	3	4	2,4,6,8,12,14,16,18	T-401	Hà Xuân Hòa	TBĐ
120	91555		EE2012	Kỹ thuật điện		6	1415-1550	3	4	2-9,11-18	D6-209	Nguyễn Nga Việt	TBĐ
121	91556	91555	EE2012	Kỹ thuật điện	90	3	1415-1550	3	4	2,4,6,8,12,14,16,18	T-407	Nguyễn Nga Việt	TBĐ
122	91557	91555	EE2012	Kỹ thuật điện	61	3	1600-1735	5	6	3,5,7,9,11,13,15,17	T-408	Nguyễn Nga Việt	TBĐ
123	93509		EE2012	Kỹ thuật điện	22	2	0920-1150	4	6	2-9,11-18	D6-103	Phạm Hùng Phi	TBĐ
124	91011		EE2012	Kỹ thuật điện		4	0645-0915	1	3	2-9,11-18	T-406	Nguyễn Văn Ánh	TBĐ
125	91012	91011	EE2014	Kỹ thuật điện	50	3	1015-1150	5	6	2,4,6,8,12,14,16,18	T-402	Nguyễn Văn Ánh	TBĐ
126	91013	91011	EE2014	Kỹ thuật điện	70	3	1015-1150	5	6	3,5,7,9,11,13,15,17	T-402	Nguyễn Văn Ánh	TBĐ
127	91014		EE2014	Kỹ thuật điện		4	0920-1150	4	6	2-9,11-18	T-406	Phạm Hùng Phi	TBĐ
128	91015	91014	EE2014	Kỹ thuật điện	49	5	1015-1150	5	6	2,4,6,8,12,14,16,18	T-402	Phạm Hùng Phi	TBĐ
129	91016	91014	EE2014	Kỹ thuật điện	73	5	1015-1150	5	6	3,5,7,9,11,13,15,17	T-402	Phạm Hùng Phi	TBĐ
130	91244		EE2014	Kỹ thuật điện		3	0735-1005	2	4	2-9,11-18	TC-502	Nguyễn Nga Việt	TBĐ
131	91245	91244	EE2014	Kỹ thuật điện	77	5	1015-1150	5	6	2,4,6,8,12,14,16,18	T-407	Nguyễn Nga Việt	TBĐ
132	91246	91244	EE2014	Kỹ thuật điện	77	5	1015-1150	5	6	3,5,7,9,11,13,15,17	T-407	Nguyễn Nga Việt	TBĐ
133	91378		EE5050	Kỹ thuật điện cao áp II	63	6	0920-1150	4	6	2-9,11-18	TC-309	Nguyễn Đình Thắng	HTĐ
134	90443		EE2016	Kỹ thuật điện, điện tử	37	4	1015-1150	5	6	2-9,11-18	D9-204	Trần Văn Thịnh	TBĐ
135	90443		EE2016	Kỹ thuật điện, điện tử		6	1015-1150	5	6	2-9,11-18	D9-204	Trần Văn Thịnh	TBĐ

TT	Mã Lớp	Mã Lớp kèm	Mã HP	Tên học phần	SLSV	Thứ	Thời gian	Tiết bđ	Tiết kt	Tuần học	Phòng	Cán bộ GD	BM
136	90444		EE2016	Kỹ thuật điện, điện tử	144	4	0645-1005	1	4	2-9,11-18	D9-205	Nguyễn Thế Công	TBĐ
137	91315		EE3110	Kỹ thuật đo lường	76	2	0920-1150	4	6	11-18	T-401	Lê Thị Thanh Hà	ĐL
138	91315		EE3110	Kỹ thuật đo lường		4	0645-0915	1	3	11-18	T-401	Lê Thị Thanh Hà	ĐL
139	91321		EE3110	Kỹ thuật đo lường	84	3	0645-0915	1	3	2-9	T-410	Nguyễn Thanh Hường	ĐL
140	91321		EE3110	Kỹ thuật đo lường		6	0920-1150	4	6	2-9	T-410	Nguyễn Thanh Hường	ĐL
141	91322		EE3110	Kỹ thuật đo lường	85	3	0920-1150	4	6	2-9	T-410	Nguyễn Thị Huế	ĐL
142	91322		EE3110	Kỹ thuật đo lường		6	0645-0915	1	3	2-9	T-410	Nguyễn Thị Huế	ĐL
143	91323		EE3110	Kỹ thuật đo lường	45	3	0645-0915	1	3	11-18	T-410	Nguyễn Hoàng Nam	ĐL
144	91323		EE3110	Kỹ thuật đo lường		6	0920-1150	4	6	11-18	T-410	Nguyễn Hoàng Nam	ĐL
145	91324		EE3110	Kỹ thuật đo lường	83	3	0920-1150	4	6	11-18	T-410	Lê Thị Thanh Hà	ĐL
146	91324		EE3110	Kỹ thuật đo lường		6	0645-0915	1	3	11-18	T-410	Lê Thị Thanh Hà	ĐL
147	93477		EE3110	Kỹ thuật đo lường	24	3	1230-1500	1	3	2-9,11-18	D6-104	Phạm Thị Ngọc Yến, Nguyễn Thị Huế	ĐL
148	90321		EE3509	Kỹ thuật đo lường	41	2	0920-1150	4	6	2-9,11-18	D3-403	Lê Thị Thanh Hà	ĐL
149	91319		EE3490	Kỹ thuật lập trình	90	5	0645-1005	1	4	2-9,11-18	T410	Nguyễn Việt Tùng	Mika
150	91338		EE3490	Kỹ thuật lập trình	78	2	0830-1150	3	6	2-9,11-18	T410	Nguyễn Thị Thanh Hải	Mika
151	91340		EE3490	Kỹ thuật lập trình	86	4	0645-1005	1	4	2-9,11-18	T402	Nguyễn Việt Tùng	Mika
152	91341		EE3490	Kỹ thuật lập trình	60	2	0645-1005	1	4	2-9,11-18	T411	Đào Trung Kiên	Mika
153	93481		EE3490	Kỹ thuật lập trình	23	6	1230-1550	1	4	2-9,11-18	D6-104	Lê Minh Hoàng	Mika
154	93577		EE3490E	Kỹ thuật lập trình	40	5	1230-1550	1	4	2-9,11-18	D6-301	Đào Trung Kiên	Mika
155	91384		EE4341	Kỹ thuật Robot	142	2	0645-1005	1	4	2-9,11-18	TC-207	Nguyễn Mạnh Tiến	TĐH
156	93449		EE4341	Kỹ thuật Robot	28	5	0830-1150	3	6	2-9,11-18	D6-102	Phan Bùi Khôi	ĐK-MG
157	91412		EE2080	Lý thuyết điều khiển	115	2	1505-1735	4	6	2-9,11-18	D9-105	ThS. Cao Thành Trung/TS. Nguyễn Thu Hà	ĐK
158	91412			Lý thuyết điều khiển		3	1600-1735	5	6	2-9,11-18	D9-105	ThS. Cao Thành Trung/TS. Nguyễn Thu Hà	ĐK
159	91413		EE2080	Lý thuyết điều khiển	61	2	1230-1500	1	3	2-9,11-18	D9-106	ThS. Cao Thành Trung	ĐK
160	91413			Lý thuyết điều khiển		3	1415-1550	3	4	2-9,11-18	D9-106	ThS. Cao Thành Trung	ĐK
161	91495		EE3280	Lý thuyết điều khiển I	124	2	1230-1405	1	2	2-9,11-18	TC-204	TS. Nguyễn Hoài Nam	ĐK
162	91495			Lý thuyết điều khiển I		3	1600-1735	5	6	2-9,11-18	TC-204	TS. Nguyễn Hoài Nam	ĐK
163	93486		EE3280	Lý thuyết điều khiển I	23	2	1230-1550	1	4	2-9,11-18	D6-104	Nguyễn Thu Hà	ĐK
164	91355		EE4230	Lý thuyết điều khiển II	24	6	1415-1735	3	6	2-9,11-18	TC-411	GS. Phan Xuân Minh (MG)	ĐK
165	93447		EE4230	Lý thuyết điều khiển II	24	2	0830-1150	3	6	2-9,11-18	D6-102	Nguyễn Doãn Phước	ĐK
166	90956		EE3359	Lý thuyết điều khiển tự động	48	2	1230-1405	1	2	2-9,11-18	TC-410	TS. Đào Phương Nam	ĐK
167	90956			Lý thuyết điều khiển tự động		4	1600-1735	5	6	2-9,11-18	TC-204	TS. Đào Phương Nam	ĐK
168	91048		EE3359	Lý thuyết điều khiển tự động	130	4	1230-1550	1	4	2-9,11-18	TC-502	TS. Nguyễn Trọng Thuần	ĐK
169	91049		EE3359	Lý thuyết điều khiển tự động	84	6	1415-1735	3	6	2-9,11-18	TC-502	TS. Nguyễn Thu Hà	ĐK
170	91259		EE3359	Lý thuyết điều khiển tự động	104	2	1230-1550	1	4	2-9,11-18	TC-502	ThS. Đặng Văn Mỹ	ĐK

TT	Mã Lớp	Mã Lớp kèm	Mã HP	Tên học phần	SLSV	Thứ	Thời gian	Tiết bđ	Tiết kt	Tuần học	Phòng	Cán bộ GD	BM
171	93551		EE4230E	Lý thuyết điều khiển tự động 2	18	4	0830-1150	3	6	2-9,11-18	D6-206	Đỗ Thị Tú Anh	ĐK
172	93573		EE3280E	Lý thuyết điều khiển tự động I	38	2	1230-1550	1	4	2-9,11-18	D6-301	Đỗ Thị Tú Anh	ĐK
173	91281		EE2020	Lý thuyết mạch điện I		3	1505-1735	4	6	2-9,11-18	D9-201	Cung Thành Long	ĐL
174	91282	91281	EE2020	Lý thuyết mạch điện I	100	5	1415-1550	3	4	2,4,6,8,12,14,16,18	D9-106	Cung Thành Long	ĐL
175	91283	91281	EE2020	Lý thuyết mạch điện I	46	5	1415-1550	3	4	3,5,7,9,11,13,15,17	D9-106	Cung Thành Long	ĐL
176	91295		EE2020	Lý thuyết mạch điện I		2	1505-1735	4	6	2-9,11-18	D9-101	Nguyễn Công Phương	ĐL
177	91296	91295	EE2020	Lý thuyết mạch điện I	99	5	1600-1735	5	6	2,4,6,8,12,14,16,18	D9-105	Nguyễn Công Phương	ĐL
178	91297	91295	EE2020	Lý thuyết mạch điện I	100	5	1600-1735	5	6	3,5,7,9,11,13,15,17	D5-105	Nguyễn Công Phương	ĐL
179	91309		EE2020	Lý thuyết mạch điện I		2	1230-1500	1	3	2-9,11-18	D9-201	Nguyễn Việt Sơn	ĐL
180	91310	91309	EE2020	Lý thuyết mạch điện I	100	5	1230-1405	1	2	3,5,7,9,11,13,15,17	D9-105	Nguyễn Việt Sơn	ĐL
181	91311	91309	EE2020	Lý thuyết mạch điện I	52	5	1230-1405	1	2	2,4,6,8,12,14,16,18	D5-105	Nguyễn Việt Sơn	ĐL
182	91409		EE2020	Lý thuyết mạch điện I		6	1230-1500	1	3	2-9,11-18	TC-412	Trần Hoài Linh	ĐL
183	91410	91409	EE2020	Lý thuyết mạch điện I	102	3	1230-1405	1	2	2,4,6,8,12,14,16,18	D9-106	Trần Hoài Linh	ĐL
184	91411	91409	EE2020	Lý thuyết mạch điện I	100	3	1230-1405	1	2	3,5,7,9,11,13,15,17	D9-106	Trần Hoài Linh	ĐL
185	93505		EE2020	Lý thuyết mạch điện I	43	4	0830-1150	3	6	2-9,11-18	D6-304	Nguyễn Thế Thắng	ĐL
186	91343		EE2120	Lý thuyết mạch điện II	100	4	1015-1150	5	6	2-9,11-18	T-411	Nguyễn Công Phương	ĐL
187	93535		EE3766	Mạch giao diện máy tính	30	5	0645-1100	1	5	2-9,11-18	D6-303	Vũ Đức Trọng	ĐL
188	93585		EE3706	Mạch tuyến tính 1	69	3	0645-1005	1	4	2-9,11-18	D6-107	Nguyễn Công Phương	ĐL
189	93596		EE3706	Mạch tuyến tính 1	59	4	1230-1550	1	4	2-9,11-18	D6-107	Nguyễn Việt Sơn	ĐL
190	91784		EE3726	Mạch tuyến tính 2	23	7	0735-1150	2	5	2-9,11-18	D3405	Nguyễn Công Phương	ĐL
191	93713		EE3617	Mạch và năng lượng điện	47	3	1230-1500	1	3	2-9,11-18	D5-205	Cung Thành Long	ĐL
192	93666		EE4603	Mạng cục bộ công nghiệp	20	2	1230-1500	1	3	2-9,11-18	D6-303	Đào Đức Thịnh	ĐL
193	91401		EE4519	Mạng nơron và ứng dụng trong xử lý tín hiệu	39	5	1015-1150	5	6	2-9,11-18	D5-202	Trần Hoài Linh	ĐL
194	93702		EE3196	Máy điện	26	2	0920-1150	4	6	2-9,11-18	D6-104	Triệu Việt Linh	TBĐ
195	91811		EE3141	Máy điện cơ sở	60	2	1505-1735	4	6	2-9,11-18	D3-507	Nguyễn Vũ Thanh	TBĐ
196	91316		EE3140	Máy điện I	83	2	0645-0915	1	3	2-9,11-18	T-402	Phạm Minh Tú	TBĐ
197	91325		EE3140	Máy điện I	87	3	0645-0915	1	3	2-9,11-18	T-411	Đặng Quốc Vương	TBĐ
198	91326		EE3140	Máy điện I	86	3	0920-1150	4	6	2-9,11-18	T-411	Đặng Quốc Vương	TBĐ
199	91327		EE3140	Máy điện I	53	4	0645-0915	1	3	2-9,11-18	T-410	Phạm Minh Tú	TBĐ
200	91328		EE3140	Máy điện I	84	4	0920-1150	4	6	2-9,11-18	T-410	Bùi Đức Hùng	TBĐ
201	93478		EE3140	Máy điện I	24	3	1505-1735	4	6	2-9,11-18	D6-104	Bùi Đức Hùng	TBĐ
202	91375		EE4204	Máy điện trong thiết bị tự động và điều khiển	36	3	0645-1005	1	4	2-9,11-18	TC-309	Triệu Việt Linh	TBĐ
203	93668		EE4605	Mô hình hoá các hệ thống rời rạc	20	3	1505-1645	4	5	2-9,11-18	D6-303	Nguyễn Cảnh Quang	ĐL
204	91389		EE4316	Mô hình hoá và mô phỏng	68	5	0920-1150	4	6	2-9,11-18	TC-308	Đỗ Mạnh Cường	TĐH
205	93594		EE3033E	Nguyên lý trường điện từ	54	3	1320-1735	2	6	2-9,11-18	D6-107	Trần Hoài Linh	ĐL

TT	Mã Lớp	Mã Lớp kèm	Mã HP	Tên học phần	SLSV	Thứ	Thời gian	Tiết bđ	Tiết kt	Tuần học	Phòng	Cán bộ GD	BM
206	91408		EE1000	Nhập môn Công nghệ kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa	170	6	1505-1645	4	5	2-9,11-18	TC-412		
207	91273		EE1010	Nhập môn kỹ thuật ngành điện	198	4	1230-1405	1	2	2-9,11-18	D6-209		
208	91287		EE1010	Nhập môn kỹ thuật ngành điện	226	4	1415-1550	3	4	2-9,11-18	D9-101		
209	91301		EE1010	Nhập môn kỹ thuật ngành điện	224	4	1600-1735	5	6	2-9,11-18	D9-201		
210	93507		EE1010	Nhập môn kỹ thuật ngành điện	19	2	0735-0915	2	3	2-9,11-18	D6-103		
211	91808		EE4115	Ổn định của hệ thống điện	22	6	1230-1500	1	3	2-9,11-18	TC-507	Đỗ Xuân Khôi	HTĐ
212	91346		EE4030	Phân điện nhà máy điện và trạm biến áp	71	4	1415-1735	3	6	2-9,11-18	TC-213	Lê Đức Tùng	HTĐ
213	91400		EE4513	Quản lý công nghiệp	58	6	0645-0915	1	3	2-9,11-18	D5-101	Nguyễn Anh Tuấn	ĐL
214	91373		EE4114	Quy hoạch phát triển hệ thống điện	61	4	0830-1150	3	6	2-9,11-18	TC-309	Lã Minh Khánh	HTĐ
215	93670		EE4607	Robot công nghiệp	20	2	0920-1150	4	6	2-9,11-18	D4-103	Trần Văn Tuấn	ĐL
216	91376		EE5060	Sử dụng máy tính trong phân tích HTĐ	67	3	1015-1150	5	6	2-9,11-18	TC-309	Đinh Quang Huy	HTĐ
217	91376			Sử dụng máy tính trong phân tích HTĐ		5	0645-0820	1	2	2-9,11-18	TC-309	Đinh Quang Huy	HTĐ
218	93699		EE3676	Thiết bị đo điện tử	26	2	0645-0915	1	3	2-9,11-18	D6-104	Lê Minh Thủy	ĐL
219	91360		EE4423	Thiết bị khí nén và thủy lực trong tự động hóa	47	2	1230-1550	1	4	2-9,11-18	TC-512	Nguyễn Danh Huy	TĐH
220	91361		EE4423	Thiết bị khí nén và thủy lực trong tự động hóa	85	5	1415-1735	3	6	2-9,11-18	TC-512	Nguyễn Quang Địch	TĐH
221	91359		EE4401	Thiết kế hệ điều khiển nhúng	18	3	1600-1735	5	6	2-9,11-18	TC-213	ThS. Chu Đức Việt	ĐK
222	91359			Thiết kế hệ điều khiển nhúng		5	1320-1500	2	3	2-9,11-18	TC-212	ThS. Chu Đức Việt	ĐK
223	93553		EE4401E	Thiết kế hệ điều khiển nhúng (BTL)	18	3	0830-1150	3	6	2-9,11-18	D6-105	Chu Đức Việt	ĐK
224	91386		EE4336	Thiết kế hệ thống điều khiển điện tử công suất	43	3	0645-0915	1	3	2-9,11-18	TC-308	Vũ Hoàng Phương	TĐH
225	91387		EE4336	Thiết kế hệ thống điều khiển điện tử công suất	72	3	0920-1150	4	6	2-9,11-18	TC-308	Trần Trọng Minh	TĐH
226	91368		EE4251	Thiết kế hệ thống nhúng	83	6	1415-1735	3	6	2-9,11-18	TC-512	Nguyễn Quốc Cường	ĐL
227	91391		EE4530	Thiết kế hệ thống TĐH	24	2	1230-1500	1	3	2-9,11-18	T-410	Nguyễn Hồng Quang	TĐH
228	91370		EE5211	Thiết kế khí cụ điện	85	2	0645-1005	1	4	2-9,11-18	TC-309	Đặng Chí Dũng	TĐĐ
229	91371		EE4207	Thiết kế thiết bị điều khiển	22	2	1015-1150	5	6	2-9,11-18	TC-309	Nguyễn Thanh Sơn	TĐĐ
230	91371			Thiết kế thiết bị điều khiển		4	0645-0820	1	2	2-9,11-18	TC-309	Nguyễn Thanh Sơn	TĐĐ
231	91366		EE4260	Thiết kế thiết bị đo	90	2	1230-1500	1	3	11-18	TC-411	Nguyễn Thị Lan Hương	ĐL
232	91366			Thiết kế thiết bị đo		5	1505-1735	4	6	11-18	TC-411	Nguyễn Thị Lan Hương	ĐL
233	91278		EE2000	Tín hiệu và hệ thống		3	1230-1500	1	3	2-9,11-18	D9-201	TS. Đỗ Thị Tú Anh	ĐK
234	91279	91278	EE2000	Tín hiệu và hệ thống	101	5	1230-1405	1	2	2,4,6,8,12,14,16,18	D9-106	ThS. Nguyễn Việt Dũng	ĐK
235	91280	91278	EE2000	Tín hiệu và hệ thống	24	5	1600-1735	5	6	3,5,7,9,11,13,15,17	D9-106	ThS. Nguyễn Việt Dũng	ĐK
236	91292		EE2000	Tín hiệu và hệ thống		2	1230-1500	1	3	2-9,11-18	D9-101	Gs. Phan Xuân Minh (MG)	ĐK
237	91293	91292	EE2000	Tín hiệu và hệ thống	100	5	1415-1550	3	4	2,4,6,8,12,14,16,18	D9-105	ThS. Nguyễn Việt Dũng	ĐK
238	91294	91292	EE2000	Tín hiệu và hệ thống	100	5	1230-1405	1	2	3,5,7,9,11,13,15,17	D5-105	ThS. Đặng Văn Mỹ	ĐK
239	91306		EE2000	Tín hiệu và hệ thống		2	1505-1735	4	6	2-9,11-18	D9-201	TS. Đào Phương Nam	ĐK
240	91307	91306	EE2000	Tín hiệu và hệ thống	100	5	1415-1550	3	4	3,5,7,9,11,13,15,17	D9-105	ThS. Lê Xuân Hải (TG)	ĐK

TT	Mã Lớp	Mã Lớp kèm	Mã HP	Tên học phần	SLSV	Thứ	Thời gian	Tiết bđ	Tiết kt	Tuần học	Phòng	Cán bộ GD	BM
241	91308	91306	EE2000	Tín hiệu và hệ thống	46	5	1600-1735	5	6	2,4,6,8,12,14,16,18	D5-105	ThS. Lê Xuân Hải (TG)	ĐK
242	93508		EE2000	Tín hiệu và hệ thống	20	3	0645-1005	1	4	2-9,11-18	D6-104	Đào Phương Nam	ĐK
243	93598		EE3000E	Tín hiệu và hệ thống	61	5	1415-1735	3	6	2-9,11-18	D5-205	Đỗ Thị Tú Anh	ĐK
244	91377		EE4108	Tối ưu hoá chế độ hệ thống điện	70	5	0830-1150	3	6	2-9,11-18	TC-309	Phạm Năng Văn	HTĐ
245	93414		EE4433	Tối ưu hoá và điều khiển tối ưu	18	6	1230-1550	1	4	2-9,11-18	D6-101	Nguyễn Doãn Phước	ĐK
246	91362		EE4240	Trang bị điện-điện tử các máy công nghiệp	83	2	1600-1735	5	6	2-9,11-18	TC-411	Vũ Thụy Nguyên	TĐH
247	91362			Trang bị điện-điện tử các máy công nghiệp		4	1230-1405	1	2	2-9,11-18	TC-411		TĐH
248	91363		EE4240	Trang bị điện-điện tử các máy công nghiệp	134	4	1415-1735	3	6	2-9,11-18	TC-411	Lê Minh Hà	TĐH
249	93482		EE2030	Trường điện từ	25	6	1500-1735	5	6	2-9,11-18	D6-104	Nguyễn Thế Thắng	ĐL
250	91344		EE3510	Truyền động điện	42	6	0645-0915	1	3	2-9,11-18	T-402	Tạ Cao Minh	TĐH
251	91120		EE3539	Truyền động điện	91	6	0645-0915	1	3	2-9,11-18	TC-410	Nguyễn Tùng Lâm	TĐH
252	91809		EE3481	Vi điều khiển và ứng dụng	60	2	1230-1500	1	3	2-9,11-18	D3-507	Võ Duy Thành	TĐH
253	91364		EE4422	Vi điều khiển và ứng dụng	107	3	1230-1500	1	3	2-9,11-18	TC-512	Võ Duy Thành	TĐH
254	91365		EE4422	Vi điều khiển và ứng dụng	83	3	1505-1735	4	6	2-9,11-18	TC-512	Nguyễn Hồng Quang	TĐH
255	91333		EE3480	Vi xử lý	83	6	0645-0915	1	3	2-9,11-18	T-411	Lê Minh Thùy	ĐL
256	91334		EE3480	Vi xử lý	87	6	0920-1150	4	6	2-9,11-18	T-411	Nguyễn Cảnh Quang	ĐL
257	91335		EE3480	Vi xử lý	92	5	0645-0915	1	3	2-9,11-18	T-411	Lê Công Cường	ĐL
258	91336		EE3480	Vi xử lý	87	5	0920-1150	4	6	2-9,11-18	T-411	Trần Văn Tuấn	ĐL
259	91337		EE3480	Vi xử lý	56	2	0920-1150	4	6	2-9,11-18	T-402	Vũ Đức Trọng	ĐL
260	93480		EE3480	Vi xử lý	25	4	1505-1735	4	6	2-9,11-18	D6-104	Lê Công Cường	ĐL
261	91367		EE4250	Xử lý tín hiệu	89	4	1230-1550	1	4	2-9,11-18	TC-512	Phạm Thị Ngọc Yến	ĐL

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KÌ 2017I- VIỆN ĐIỆN

TT	Mã Lớp	Mã Lớp kèm	Mã HP	Tên học phần	SLSV	Thứ	Thời gian	Kì	Phòng	Cán bộ GD	SL Max	
1	96845	96845	EE4611	An ninh và quản trị mạng	10	5	1505-1735	AB	D9-307	Trần Hoài Linh	35	LT+BT
2	97929	97929	EE4611	An ninh và quản trị mạng	31	3	0920-1150	AB	D5-202	Trần Hoài Linh	30	LT+BT
3	97960		EE4231	Bảo dưỡng công nghiệp	45	4	0645-0915	AB	D3-404	Nguyễn Văn Ánh		
4	97871	97871	EE4040	Bảo vệ và điều khiển HTĐ I	67	5	1415-1735	AB	TC-506	Nguyễn Xuân Tùng	60	LT+BT
5	96882	96882	EE3616	Biến đổi tín hiệu số và ứng dụng	38	6	1415-1735	AB	D9-306	Phạm Thị Ngọc Yến	40	LT+BT
6	96839	96839	EE4604	Các hệ thống thời gian thực	9	4	1600-1735	AB	D9-307	Nguyễn Quốc Cường	35	BT
7	97910	97910	EE5071	Các nguồn năng lượng tái tạo	37	3	0645-1005	B	D3-403	Lê Thị Minh Châu	60	LT+BT
8	98058	98058	EE3059	Cảm biến đo lường và xử lý tín hiệu đo	108	2	0645-0915	AB	TC-205	Đào Đức Thịnh	120	LT+BT
9	96844	96844	EE4610	Cảm biến và đo lường thông minh	9	4	1415-1550	AB	D9-307	Hoàng Sĩ Hồng	35	LT+BT
10	97909	97909	EE5070	Chuyên đề NMD nguyên tử	50	3	0645-1005	A	D3-403	Lê Đức Tùng	60	LT+BT
11	96871	96871	EE3646	Cơ sở điện tử công suất	31	5	0645-0820	AB	D9-507	Nguyễn Thế Công	35	LT+BT
12	97898	97898	EE4253	Cơ sở dữ liệu	85	5	1230-1500	AB	TC-212	Lê Thị Lan		
13	97753	97753	EE4111	Công nghệ phát điện	54	5	1230-1550	B	D9-203	Lê Đức Tùng	50	LT+BT
14	98976	98976	EE3421	Cung cấp điện	32	5	1415-1735	AB	TC-406	Lê Thị Minh châu		
15	96841	96841	EE4606	Đánh giá hiệu năng của các quá trình sx	9	4	1230-1405	AB	D9-307	Nguyễn Anh Tuấn	AB	
16	96935	96935	EE3736	Điện tử I	50	4	1320-1735	AB	D9-305	Nguyễn Cảnh Quang	60	LT+BT
17	97834	97834	EE3410	Điện tử công suất	89	4	0645-0915	AB	T-403	Đỗ Mạnh Cường	90	LT+BT
18	97835	97835	EE3410	Điện tử công suất	90	4	0920-1150	AB	T-405	Vũ Hoàng Phương	90	LT+BT
19	97850	97850	EE3410	Điện tử công suất	92	6	0645-0915	AB	T-405	Vũ Hoàng Phương	90	LT+BT
20	97851	97851	EE3410	Điện tử công suất	96	6	0920-1150	AB	T-406	Trần Trọng Minh	90	LT+BT
21	97852	97852	EE3410	Điện tử công suất	92	4	0645-0915	AB	TC-502	Phạm Việt Phương	90	LT+BT
22	97853	97853	EE3410	Điện tử công suất	75	4	0920-1150	AB	TC-504	Đỗ Mạnh Cường	90	LT+BT
23	96775	96775	EE3410	Điện tử công suất	23	4	1230-1500	AB	D5-102	Võ Minh Chính		
24	97868	97868	EE2110	Điện tử tương tự	79	6	0645-0915	AB	TC-506	Lê Công Cường	70	LT+BT
25	98646	98646	EE3109	Điện tử tương tự và điện tử số	79	3	1230-1500	AB	T-412	Trần Văn Tuấn	80	LT+BT
26	98647	98647	EE3109	Điện tử tương tự và điện tử số	59	3	1505-1735	AB	T-412	Nguyễn Tuấn Ninh	80	LT+BT
27	96887	96887	EE3596	Điện tử tương tự và ứng dụng	37	5	0645-0915	AB	D9-304	Nguyễn Tuấn Ninh	40	LT+BT
28	96714	96714	EE4424	Điều khiển hệ Euler-Lagrange	25	3	1600-1735	AB	D9-302	Đào Phương Nam	35	LT+BT
29	96745	96745	EE4220	Điều khiển logic và PLC	24	6 ¹	0830-1150	AB	D9-302	Vũ Vân Hà	35	LT+BT

TT	Mã Lớp	Mã Lớp kèm	Mã HP	Tên học phần	SLSV	Thứ	Thời gian	Kì	Phòng	Cán bộ GD	SL Max	
30	97876	97876	EE4220	Điều khiển logic và PLC	95	2	1230-1550	AB	TC-410	Nguyễn Huy Phương	95	LT+BT
31	97877	97877	EE4220	Điều khiển logic và PLC	61	2	1600-1735	AB	TC-411	Đỗ Trọng Hiếu	95	LT+BT
32	97877	97877	EE4220	Điều khiển logic và PLC	61	4	1230-1405	AB	TC-411	Đỗ Trọng Hiếu	95	LT+BT
33	97878	97878	EE4220	Điều khiển logic và PLC	100	4	1415-1735	AB	TC-410	Phan Thị Huyền Châu	95	LT+BT
34	97920	97920	EE4540	Điều khiển máy CNC	70	6	0920-1150	AB	D9-103	Nguyễn Tùng Lâm	70	LT+BT
35	96923	96923	EE4319E	Điều khiển mờ và mạng noron	22	6	0920-1150	AB	D9-306	Nguyễn Hoài Nam	35	LT+BT
36	97912	97912	EE4420	Điều khiển mờ và mạng noron	78	4	0645-0915	AB	T-406	Nguyễn Hoài Nam	80	LT+BT
37	97956	97956	EE4225	Điều khiển PLC và mạng công nghiệp	71	6	0645-0820	AB	D3-405	Đỗ Trọng Hiếu	80	LT+BT
38	97957	97957	EE4225	Điều khiển PLC và mạng công nghiệp	80	6	0830-1005	AB	D3-405	Đỗ Trọng Hiếu	80	LT+BT
39	96921	96921	EE3550E	Điều khiển quá trình	23	3	1015-1150	AB	D9-504	Đinh Thị Lan Anh	35	LT+BT
40	97867	97867	EE3550	Điều khiển quá trình	23	5	0920-1150	AB	T-402	Nguyễn Thu Hà	60	LT+BT
41	96921	96921	EE3550E	Điều khiển quá trình	23	5	0645-0820	AB	D9-504	Đinh Thị Lan Anh	35	LT+BT
42	97872	97872	EE4070	Điều khiển thiết bị điện	26	6	1230-1500	AB	TC-506	Nguyễn Thanh Sơn	40	LT+BT
43	97914	97914	EE4347	Điều khiển truyền động điện	68	2	1015-1150	AB	D9-103	Nguyễn Phùng Quang	80	LT+BT
44	97914	97914	EE4347	Điều khiển truyền động điện	68	5	0645-0820	AB	D9-105	Nguyễn Phùng Quang	80	LT+BT
45	98326	98326	EE3339	Điều khiển và tự động hóa QTSX	38	5	1415-1735	AB	T-502	Nguyễn Huy Phương	50	LT+BT
46	96843	96843	EE4608	Đo và điều khiển công nghiệp	10	3	1230-1500	AB	D9-307	Nguyễn Hoàng Nam	35	LT+BT
47	97926	97926	EE4524	Đo và kiểm tra không phá hủy	18	2	1015-1150	B	D9-104	Cung Thành Long	30	LT+BT
48	97926	97926	EE4524	Đo và kiểm tra không phá hủy	18	4	1015-1150	B	D9-103	Cung Thành Long	30	LT+BT
49	98617	98617	EE4536	Dụng cụ và hệ thống tự động hóa đo trong xử lý môi trường	37	7	0920-1150	AB	D5-101	Nguyễn Thanh Hường	60	LT+BT
50	93277	93277	EE2018	Electrical Engineering	21	5	0645-0915	AB	D9-406	Nguyễn Bích Liên	40	LT+BT
51	96713	96713	EE4416	Hệ sự kiện rời rạc	25	3	1230-1550	AB	D9-302	Đinh Thị Lan Anh	35	LT+BT
52	97953	97953	EE3411	Hệ thống biến đổi điện cơ	64	3	0645-0915	AB	D9-106	Tạ Duy Hà	85	LT+BT
53	97954	97954	EE3411	Hệ thống biến đổi điện cơ	85	3	0920-1150	AB	D9-105	Võ Minh Chính	85	LT+BT
54	97836	97836	EE3425	Hệ thống cung cấp điện	31	4	0645-0915	AB	T-405	Bạch Quốc Khánh	90	LT+BT
55	97837	97837	EE3425	Hệ thống cung cấp điện	90	4	0920-1150	AB	T-403	Bạch Quốc Khánh	90	LT+BT
56	97863	97863	EE3425	Hệ thống cung cấp điện	95	3	0920-1150	AB	T-406	Lê Việt Tiến	90	LT+BT
57	97864	97864	EE3425	Hệ thống cung cấp điện	95	3	0645-0915	AB	T-406	Lê Việt Tiến	90	LT+BT
58	97958	97958	EE3423	Hệ thống cung cấp điện	58	5	0645-0915	AB	D3-404	Lê Việt Tiến	70	LT+BT
59	97962	97962	EE3423	Hệ thống cung cấp điện	35	5	0920-1150	AB	D3-405	Phạm Năng Văn	60	LT+BT
60	98674	98674	EE3469	Hệ thống cung cấp điện	1	3	1230-1405	B	D3-506	Nguyễn Hoàng Việt	60	LT+BT
61	98674	98674	EE3469	Hệ thống cung cấp điện	1	6	1505-1645	B	D9-207	Nguyễn Hoàng Việt	60	LT+BT
62	97905	97905	EE4241	Hệ thống cung cấp điện cho các tòa nhà	50	6	0645-0915	AB	D3-403	Phùng Anh Tuấn	60	LT+BT
63	97955	97955	EE3551	Hệ thống điều khiển quá trình	80	2 ²	0920-1150	AB	D3-404	Đinh Thị Lan Anh	80	LT+BT

TT	Mã Lớp	Mã Lớp kèm	Mã HP	Tên học phần	SLSV	Thứ	Thời gian	Kì	Phòng	Cán bộ GD	SL Max	
64	96748	96748	EE4435	Hệ thống điều khiển số	24	4	0645-0915	AB	D9-302	Chu Đức Việt	35	LT+BT
65	96920	96920	EE4435E	Hệ thống điều khiển số	24	3	0645-1005	AB	D9-504	Vũ Thị Thúy Nga	35	LT+BT
66	97879	97879	EE4435	Hệ thống điều khiển số	52	3	1230-1500	AB	TC-410	Đặng Văn Mỹ	85	LT+BT
67	97880	97880	EE4435	Hệ thống điều khiển số	91	3	1505-1735	AB	TC-411	Nguyễn Doãn Phước	85	LT+BT
68	97881	97881	EE4435	Hệ thống điều khiển số	87	6	1230-1500	AB	TC-212	Chu Đức Việt	85	LT+BT
69	97882	97882	EE4435	Hệ thống điều khiển số	92	6	1505-1735	AB	TC-213	Vũ Thị Thúy Nga	85	LT+BT
70	97875	97875	EE3600	Hệ thống đo và điều khiển công nghiệp	25	3	1505-1735	AB	TC-506	Nguyễn Anh Tuấn	60	LT+BT
71	97918	97918	EE4330	Hệ thống sản xuất Tự động hóa tích hợp máy tính	50	3	0920-1150	AB	D9-103	Nguyễn Phạm Thục Anh	50	LT+BT
72	97916	97916	EE4300	Hệ thống thu thập dữ liệu và điều khiển bằng máy tính	45	2	0645-1005	AB	D9-103	Võ Duy Thành	50	LT+BT
73	96950	96950	EE3009E	Hệ thống truyền thông công nghiệp	44	4	1600-1735	AB	D9-506	Bùi Đăng Thành	60	LT+BT
74	97923	97923	EE4323	Hệ thống tự động hóa nhà máy nhiệt điện	70	6	0645-0915	AB	D3-404	Bùi Quốc Khánh	60	LT+BT
75	97921	97921	EE4325	Hệ thống tự động hóa nhà máy xi măng	89	3	0645-0915	AB	D9-103	Nguyễn Mạnh Tiến	80	LT+BT
76	97951	97951	EE2201	Hệ thống và thiết bị điều khiển	86	3	0645-0915	AB	D9-105	Vũ Văn Hà	85	LT+BT
77	97952	97952	EE2201	Hệ thống và thiết bị điều khiển	62	3	0920-1150	AB	D9-106	Vũ Văn Hà	85	LT+BT
78	97963	97963	EE2200	Hệ thống và thiết bị đo	48	4	0920-1150	AB	D3-404	Lê Thị Thanh Hà	60	LT+BT
79	97964	97964	EE3091	Khí cụ điện	33	6	1015-1150	AB	D3-405	Phùng Anh Tuấn	40	LT+BT
80	97840	97840	EE3242	Khí cụ điện	80	5	0645-0820	AB	TC-508	Nguyễn Văn Ánh	80	LT+BT
81	97841	97841	EE3242	Khí cụ điện	57	5	1015-1150	AB	TC-508	Phùng Anh Tuấn	80	LT+BT
82	97865	97865	EE3242	Khí cụ điện	83	5	0830-1005	AB	TC-504	Nguyễn Văn Ánh		
83	97873	97873	EE4090	Khí cụ điện cao áp	69	6	1505-1735	AB	TC-506	Đặng Chí Dũng	70	LT+BT
84	97911	97911	EE4502	Kỹ thuật cảm biến	68	2	0645-1005	AB	D9-104	Hoàng Sĩ Hồng	70	LT+BT
85	97874	97874	EE4082	Kỹ thuật chiếu sáng	31	2	1600-1735	AB	TC-506	Phạm Hùng Phi	40	LT+BT
86	97874	97874	EE4082	Kỹ thuật chiếu sáng	31	5	1230-1405	AB	TC-506	Phạm Hùng Phi	40	LT+BT
87	97628	NULL	EE2010	Kỹ thuật điện	NULL	5	1600-1735	AB	TC-501	Nguyễn Vũ Thanh	60	LT
88	97629	97628	EE2010	Kỹ thuật điện	60	6	1415-1550	AB	TC-509	Nguyễn Vũ Thanh	60	BT
89	97630	97628	EE2010	Kỹ thuật điện	43	6	1415-1550	AB	TC-509	Nguyễn Vũ Thanh	60	BT
90	97991	NULL	EE2012	Kỹ thuật điện	NULL	6	0830-1005	AB	TC-312	Phạm Hùng Phi	170	LT
91	97992	97991	EE2012	Kỹ thuật điện	84	5	0830-1005	AB	TC-212	Phạm Hùng Phi	85	BT
92	97993	97991	EE2012	Kỹ thuật điện	83	5	0830-1005	AB	TC-212	Phạm Hùng Phi	85	BT
93	97994	NULL	EE2012	Kỹ thuật điện	NULL	6	0645-0820	AB	TC-312	Nguyễn Nga Việt	170	LT
94	97995	97994	EE2012	Kỹ thuật điện	87	5	1015-1150	AB	TC-212	Nguyễn Nga Việt	85	BT
95	97996	97994	EE2012	Kỹ thuật điện	78	5	1015-1150	AB	TC-212	Nguyễn Nga Việt	85	BT
96	98186	NULL	EE2012	Kỹ thuật điện	NULL	2	0920-1100	AB	TC-312	Nguyễn Nga Việt	120	LT
97	98187	98186	EE2012	Kỹ thuật điện	66	3 ³	1015-1150	AB	TC-512	Nguyễn Nga Việt	70	BT

TT	Mã Lớp	Mã Lớp kèm	Mã HP	Tên học phần	SLSV	Thứ	Thời gian	Kì	Phòng	Cán bộ GD	SL Max	
98	98188	98186	EE2012	Kỹ thuật điện	40	3	1015-1150	AB	TC-512	Nguyễn Nga Việt	70	BT
99	98466	NULL	EE2012	Kỹ thuật điện	NULL	5	1415-1550	AB	TC-304	Bùi Minh Định	150	LT
100	98467	98466	EE2012	Kỹ thuật điện	77	5	1600-1735	AB	TC-507	Bùi Minh Định	76	BT
101	98468	98466	EE2012	Kỹ thuật điện	74	5	1600-1735	AB	TC-507	Bùi Minh Định	74	BT
102	98472	NULL	EE2012	Kỹ thuật điện	NULL	5	1230-1405	AB	TC-305	Bùi Minh Định	150	LT
103	98473	98472	EE2012	Kỹ thuật điện	72	6	1505-1645	AB	TC-305	Bùi Minh Định	72	BT
104	98474	98472	EE2012	Kỹ thuật điện	78	6	1505-1645	AB	TC-305	Bùi Minh Định	78	BT
105	98576	NULL	EE2012	Kỹ thuật điện	NULL	6	1230-1405	AB	TC-504	Nguyễn Nga Việt	150	LT
106	98577	98576	EE2012	Kỹ thuật điện	77	3	1415-1550	AB	TC-306	Nguyễn Nga Việt	75	BT
107	98578	98576	EE2012	Kỹ thuật điện	76	3	1415-1550	AB	TC-306	Nguyễn Nga Việt	75	BT
108	98685	NULL	EE2012	Kỹ thuật điện	NULL	2	1015-1150	AB	D9-301	Nguyễn Văn Ánh	195	LT
109	98686	98685	EE2012	Kỹ thuật điện	102	5	1015-1150	AB	T-407	Nguyễn Văn Ánh	100	BT
110	98687	98685	EE2012	Kỹ thuật điện	100	5	1015-1150	AB	T-407	Nguyễn Văn Ánh	100	BT
111	98784	NULL	EE2010	Kỹ thuật điện	NULL	6	0645-0820	AB	D9-301	Nguyễn Bích Liên	180	LT
112	98785	98784	EE2010	Kỹ thuật điện	91	2	0830-1005	AB	T-503	Nguyễn Bích Liên	90	BT
113	98786	98784	EE2010	Kỹ thuật điện	91	2	1015-1150	AB	T-503	Nguyễn Bích Liên	90	BT
114	98859	NULL	EE2012	Kỹ thuật điện	NULL	6	0830-1005	AB	D3-5-201	Nguyễn Bích Liên	180	LT
115	98860	98859	EE2012	Kỹ thuật điện	90	4	0920-1100	AB	D3-5-201	Nguyễn Bích Liên	90	BT
116	98861	98859	EE2012	Kỹ thuật điện	50	4	0920-1100	AB	D3-5-201	Nguyễn Bích Liên	90	BT
117	98875	NULL	EE2012	Kỹ thuật điện	NULL	6	1015-1150	AB	D3-5-201	Nguyễn Bích Liên	120	LT
118	98876	98875	EE2012	Kỹ thuật điện	69	5	1015-1150	AB	T-505	Nguyễn Bích Liên	70	BT
119	98877	98875	EE2012	Kỹ thuật điện	63	5	1015-1150	AB	T-505	Nguyễn Bích Liên	70	BT
120	96817	96817	EE2010	Kỹ thuật điện	29	2	0645-0915	AB	D9-307	Phạm Hùng Phi	35	LT+BT
121	97056	97056	EE2010	Kỹ thuật điện	15	4	1230-1500	AB	D4-404	Phạm Hùng Phi	40	LT+BT
122	96808	96808	EE2012	Kỹ thuật điện	35	2	0920-1150	AB	D9-307	Nguyễn Thế Công	35	LT+BT
123	97966	NULL	EE2014	Kỹ thuật điện	NULL	2	0645-0915	AB	T-407	Nguyễn Nga Việt	120	LT
124	97967	97966	EE2014	Kỹ thuật điện	70	3	0830-1005	AB	T-502	Nguyễn Nga Việt	70	BT
125	97968	97966	EE2014	Kỹ thuật điện	53	3	0830-1005	AB	T-502	Nguyễn Nga Việt	70	BT
126	97969	NULL	EE2014	Kỹ thuật điện	NULL	2	0920-1150	AB	T-408	Bùi Minh Định	120	LT
127	97970	97969	EE2014	Kỹ thuật điện	55	4	0830-1005	AB	T-502	Bùi Minh Định	70	BT
128	97971	97969	EE2014	Kỹ thuật điện	43	4	0830-1005	AB	T-502	Bùi Minh Định	70	BT
129	98201	NULL	EE2014	Kỹ thuật điện	NULL	2	0645-0915	AB	TC-312	Trần Tuấn Vũ	180	LT
130	98202	98201	EE2014	Kỹ thuật điện	63	5	1015-1150	AB	T-502	Trần Tuấn Vũ	65	BT
131	98203	98201	EE2014	Kỹ thuật điện	67	5 ⁴	0830-1005	AB	T-502	Trần Tuấn Vũ	65	BT

TT	Mã Lớp	Mã Lớp kèm	Mã HP	Tên học phần	SLSV	Thứ	Thời gian	Kì	Phòng	Cán bộ GD	SL Max	
132	98204	98201	EE2014	Kỹ thuật điện	50	5	0645-0820	AB	T-502	Trần Tuấn Vũ	65	BT
133	97908	97908	EE5050	Kỹ thuật điện cao áp II	50	6	0920-1150	AB	D3-404	Nguyễn Đình Thắng		
134	97662	97662	EE2016	Kỹ thuật điện, điện tử	78	4	0645-1005	AB	D9-105	Nguyễn Thế Công	80	LT+BT
135	97663	97663	EE2016	Kỹ thuật điện, điện tử	40	4	1015-1150	AB	D9-104	Nguyễn Thanh Sơn	80	LT+BT
136	97663	97663	EE2016	Kỹ thuật điện, điện tử	40	6	0645-0820	AB	D9-104	Nguyễn Thanh Sơn	80	LT+BT
137	97664	97664	EE2016	Kỹ thuật điện, điện tử	77	6	0830-1150	AB	D9-105	Nguyễn thế Công	80	LT+BT
138	96773	96773	EE3110	Kỹ thuật đo lường	19	3	1230-1500	AB	D9-304	Phạm Thị Ngọc Yến	35	LT+BT
139	97610	97610	EE3509	Kỹ thuật đo lường	40	6	0920-1150	AB	TC-508	Nguyễn Hoàng Nam	50	LT+BT
140	97830	97830	EE3110	Kỹ thuật đo lường	80	6	0645-0915	AB	T-402	Lê Thị thanh Hà	80	LT+BT
141	97831	97831	EE3110	Kỹ thuật đo lường	77	6	0920-1150	AB	T-501	Nguyễn Thị Huế	80	LT+BT
142	97842	97842	EE3110	Kỹ thuật đo lường	83	4	0645-0915	AB	T-402	Lê Thị thanh Hà	80	LT+BT
143	97843	97843	EE3110	Kỹ thuật đo lường	80	4	0920-1150	AB	T-501	Nguyễn Thị Huế	80	LT+BT
144	97844	97844	EE3110	Kỹ thuật đo lường	81	6	0645-0915	AB	TC-502	Bùi Đăng Thành	80	LT+BT
145	97845	97845	EE3110	Kỹ thuật đo lường	27	6	0920-1150	AB	TC-210	Nguyễn Thanh Hường	80	LT+BT
146	96777	96777	EE3490	Kỹ thuật lập trình	20	6	1230-1550	AB	D9-304	Lê Minh Hoàng	35	LT+BT
147	97838	97838	EE3490	Kỹ thuật lập trình	46	2	0645-1005	AB	TC-508	Vũ Hải	80	LT+BT
148	97839	97839	EE3490	Kỹ thuật lập trình	81	2	1015-1150	AB	TC-508	Trần Thị Thanh Hải	80	LT+BT
149	97839	97839	EE3490	Kỹ thuật lập trình	81	5	0830-1005	AB	TC-508	Trần Thị Thanh Hải	80	LT+BT
150	97859	97859	EE3490	Kỹ thuật lập trình	81	2	0645-1005	AB	TC-504	Đào Trung Kiên	80	LT+BT
151	97861	97861	EE3490	Kỹ thuật lập trình	80	3	1015-1150	AB	TC-504	Vũ Hải	80	LT+BT
152	97861	97861	EE3490	Kỹ thuật lập trình	80	5	1015-1150	AB	TC-504	Vũ Hải	80	LT+BT
153	97862	97862	EE3490	Kỹ thuật lập trình	59	3	0645-1005	AB	TC-504	Nguyễn Việt Tùng	80	LT+BT
154	96949	96949	EE3490E	Kỹ thuật lập trình	39	5	1230-1550	AB	D9-505	Đào Trung Kiên	60	LT+BT
155	96747	96747	EE4341	Kỹ thuật Robot	25	3	1015-1150	AB	D9-303	Phan Bùi Khôi	35	LT+BT
156	96747	96747	EE4341	Kỹ thuật Robot	25	6	0645-0820	AB	D9-302	Phan Bùi Khôi	35	LT+BT
157	97913	97913	EE4341	Kỹ thuật Robot	109	5	0830-1150	AB	D9-105	Nguyễn Phạm Thục Anh	120	LT+BT
158	97949	97949	EE2080	Lý thuyết điều khiển	79	4	1415-1550	AB	T-411	Đặng Văn Mỹ	80	LT+BT
159	97949	97949	EE2080	Lý thuyết điều khiển	79	6	1505-1735	AB	T-411	Đặng Văn Mỹ	80	LT+BT
160	97950	97950	EE2080	Lý thuyết điều khiển	83	4	1600-1735	AB	T-412	Cao Thành Trung	80	LT+BT
161	97950	97950	EE2080	Lý thuyết điều khiển	83	6	1230-1500	AB	T-412	Cao Thành Trung	80	LT+BT
162	96782	96782	EE3280	Lý thuyết điều khiển I	24	2	1230-1550	AB	D9-304	Nguyễn Thu Hà	35	LT+BT
163	98516	98516	EE3280	Lý thuyết điều khiển I	57	2	1230-1550	AB	TC-304	Nguyễn Trọng Thuần	90	LT+BT
164	98517	98517	EE3280	Lý thuyết điều khiển I	75	4	1415-1735	AB	TC-307	Nguyễn Trọng Thuần	90	LT+BT
165	96746	96746	EE4230	Lý thuyết điều khiển II	24	3 ⁵	0645-1005	AB	D9-303	Nguyễn Doãn Phước	35	LT+BT

TT	Mã Lớp	Mã Lớp kèm	Mã HP	Tên học phần	SLSV	Thứ	Thời gian	Kì	Phòng	Cán bộ GD	SL Max	
166	97883	97883	EE4230	Lý thuyết điều khiển II	49	4	1415-1735	AB	TC-411	Phan Xuân Minh\	70	LT+BT
167	97997	97997	EE3359	Lý thuyết điều khiển tự động	90	5	1415-1735	AB	T-405	Cao Thành Trung	90	LT+BT
168	97998	97998	EE3359	Lý thuyết điều khiển tự động	72	3	1600-1735	AB	T-406	Nguyễn Hoài Nam	90	LT+BT
169	97998	97998	EE3359	Lý thuyết điều khiển tự động	72	5	1230-1405	AB	T-411	Nguyễn Hoài Nam	90	LT+BT
170	98219	98219	EE3359	Lý thuyết điều khiển tự động	88	2	1230-1550	AB	D9-105	Đào Phương Nam	90	LT+BT
171	98220	98220	EE3359	Lý thuyết điều khiển tự động	40	2	1600-1735	AB	D9-106	Nguyễn Hoài Nam	90	LT+BT
172	98220	98220	EE3359	Lý thuyết điều khiển tự động	40	4	1230-1405	AB	D9-106	Nguyễn Hoài Nam	90	LT+BT
173	98895	98895	EE3359	Lý thuyết điều khiển tự động	36	3	1230-1550	AB	D5-102	Nguyễn Thu Hà	80	LT+BT
174	96922	96922	EE4230E	Lý thuyết điều khiển tự động 2	29	5	0830-1150	AB	D9-504	Đào Phương Nam	35	LT+BT
175	96945	96945	EE3280E	Lý thuyết điều khiển tự động I	51	3	1230-1405	AB	D9-202	Vũ Thị Thúy Nga	60	LT+BT
176	96945	96945	EE3280E	Lý thuyết điều khiển tự động I	51	5	1600-1735	AB	D9-202	Vũ Thị Thúy Nga	60	LT+BT
177	96812	96812	EE2020	Lý thuyết mạch điện I	53	4	0645-1005	AB	D9-305	Nguyễn Thế Thắng	60	LT+BT
178	97804	NULL	EE2020	Lý thuyết mạch điện I	NULL	2	1230-1500	AB	D3-5-301	Nguyễn Việt Sơn	170	LT
179	97805	97804	EE2020	Lý thuyết mạch điện I	85	6	1230-1405	AB	TC-410	Nguyễn Việt Sơn	85	BT
180	97806	97804	EE2020	Lý thuyết mạch điện I	59	6	1415-1550	AB	TC-411	Nguyễn Việt Sơn	85	BT
181	97815	NULL	EE2020	Lý thuyết mạch điện I	NULL	3	1230-1500	AB	D3-5-301	Cung Thành Long	170	LT
182	97816	97815	EE2020	Lý thuyết mạch điện I	87	5	1415-1550	AB	TC-213	Cung Thành Long	85	BT
183	97817	97815	EE2020	Lý thuyết mạch điện I	84	5	1600-1735	AB	TC-213	Cung Thành Long	85	BT
184	97824	NULL	EE2020	Lý thuyết mạch điện I	NULL	6	1505-1735	AB	D3-5-301	Nguyễn Công Phương	170	LT
185	97825	97824	EE2020	Lý thuyết mạch điện I	83	5	1600-1735	AB	TC-410	Nguyễn Công Phương	85	BT
186	97826	97824	EE2020	Lý thuyết mạch điện I	85	5	1415-1550	AB	TC-411	Nguyễn Công Phương	85	BT
187	97936	NULL	EE2020	Lý thuyết mạch điện I	NULL	2	1230-1500	AB	T-405	Trần Hoài Linh	120	LT
188	97937	97936	EE2020	Lý thuyết mạch điện I	69	4	1600-1735	AB	TC-506	Trần Hoài Linh	70	BT
189	97946	NULL	EE2020	Lý thuyết mạch điện I	NULL	2	1230-1500	AB	TC-312	Trần Thị Thảo	160	LT
190	97947	97946	EE2020	Lý thuyết mạch điện I	80	4	1230-1405	AB	T-411	Trần Thị Thảo	80	BT
191	97948	97946	EE2020	Lý thuyết mạch điện I	51	4	1230-1405	AB	T-411	Trần Thị Thảo	80	BT
192	97869	97869	EE2120	Lý thuyết mạch điện II	83	5	1015-1150	AB	T-501	Trần Thị Thảo	70	LT+BT
193	96906	96906	EE3766	Mạch giao diện máy tính	49	2	0645-0915	AB	D9-506	Vũ Đức Trọng	60	LT+BT
194	96906	96906	EE3766	Mạch giao diện máy tính	49	3	1015-1150	AB	D9-305	Vũ Đức Trọng	60	LT+BT
195	96956	96956	EE3706	Mạch tuyến tính 1	39	3	0645-1005	AB	D9-505	Nguyễn Việt Sơn	40	LT+BT
196	96964	96964	EE3706	Mạch tuyến tính 1	36	4	1320-1500	AB	D9-504	Cung Thành Long	50	LT+BT
197	96964	96964	EE3706	Mạch tuyến tính 1	36	6	1600-1735	AB	D9-504	Cung Thành Long	50	LT+BT
198	96881	96881	EE3617	Mạch và năng lượng điện	18	3	1230-1500	AB	D9-306	Trần Hoài Linh	35	LT+BT
199	96838	96838	EE4603	Mạng cục bộ công nghiệp	10	2 ⁶	1230-1500	AB	D9-307	Đào Đức Thịnh	35	LT+BT

TT	Mã Lớp	Mã Lớp kèm	Mã HP	Tên học phần	SLSV	Thứ	Thời gian	Kì	Phòng	Cán bộ GD	SL Max	
200	96873	96873	EE3196	Máy điện	31	6	0920-1150	AB	D9-507	Triệu Việt Linh	35	LT+BT
201	97832	97832	EE3140	Máy điện I	82	6	0645-0915	AB	T-501	Phạm Minh Tú	80	LT+BT
202	97833	97833	EE3140	Máy điện I	82	6	0920-1150	AB	T-402	Bùi Đức Hùng	80	LT+BT
203	97846	97846	EE3140	Máy điện I	85	4	0645-0915	AB	T-501	Đặng Quốc Vương	80	LT+BT
204	97847	97847	EE3140	Máy điện I	85	4	0920-1150	AB	T-402	Nguyễn Vũ Thanh	80	LT+BT
205	97849	97849	EE3140	Máy điện I	85	6	0920-1150	AB	TC-502	Trần Tuấn Vũ	80	LT+BT
206	96774	96774	EE3140	Máy điện I	20	3	1505-1735	AB	D9-304	Bùi Đức Hùng	35	LT+BT
207	99002	99002	EE4204	Máy điện trong thiết bị tự động và điều khiển	26	5	0830-1150	AB	D4-305	Triệu Việt Linh	40	LT+BT
208	96840	96840	EE4605	Mô hình hoá các hệ thống rời rạc	9	3	1505-1645	AB	D9-307	Nguyễn Cảnh Quang	35	LT+BT
209	96962	96962	EE3033E	Nguyên lý trường điện từ	40	2	1230-1405	AB	D9-504	Nguyễn Công Phương	50	LT+BT
210	96962	96962	EE3033E	Nguyên lý trường điện từ	40	4	1505-1735	AB	D9-504	Nguyễn Công Phương	50	LT+BT
211	97731	97731	EE4112	Nhà máy thuỷ điện	27	3	1015-1150	A	T-402	Trương Ngọc Minh	60	LT+BT
212	97731	97731	EE4112	Nhà máy thuỷ điện	27	6	1015-1150	A	T-403	Trương Ngọc Minh	60	LT+BT
213	97939	97939	EE1002	Nhập môn công nghệ kỹ thuật điện	68	3	1600-1735	AB	TC-204	Phùng Anh Tuấn	120	LT+BT
214	97945	97945	EE1000	Nhập môn Công nghệ kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa	120	5	1230-1405	AB	T-409	Đỗ Trọng Hiếu	120	LT+BT
215	96815	96815	EE1010	Nhập môn kỹ thuật ngành điện	32	4	1015-1150	AB	D9-305	BM Điều khiển tự động Vũ Thị Thúy Nga	35	LT+BT
216	97711	97711	EE1010	Nhập môn kỹ thuật ngành điện	99	2	1230-1550	A	D9-205	Nguyễn Văn Ánh	100	LT+BT
217	97799	97799	EE1010	Nhập môn kỹ thuật ngành điện	180	5	1600-1735	AB	D3-5-301	Nguyễn Quốc Minh	180	LT+BT
218	97810	97810	EE1010	Nhập môn kỹ thuật ngành điện	330	2	1600-1735	AB	GĐ-B1	Phùng Anh Tuấn	330	LT+BT
219	99447	99447	EE1024	Nhập môn ngành Điện	193	6	0645-0820	A	D9-101	Nguyễn Thị Lan Hương Phùng Anh Tuấn	224	LT+BT
220	99457	99457	EE1024	Nhập môn ngành Điện	204	6	0830-1005	A	D9-201	Vũ Thị Thúy Nga	224	LT+BT
221	99467	99467	EE1024	Nhập môn ngành Điện	149	6	1015-1150	A	D9-201	Cung Thành Long	144	LT+BT
222	99477	99477	EE1024	Nhập môn ngành Điện	198	4	0645-0820	A	D3-401	Nguyễn Quốc Minh	234	LT+BT
223	99000	99000	EE4115	Ổn định của hệ thống điện	35	4	1015-1150	AB	D9-307	Đỗ Xuân Khôi		
224	97870	97870	EE4030	Phần điện nhà máy điện và trạm biến áp	67	2	1230-1550	AB	TC-506	Nguyễn Hoài Thu	70	LT+BT
225	98240	98240	EE4360	PLC và Mạng CN	7	3	0645-1005	B	D9-102	Phan Thị Huyền Châu	50	LT+BT
226	97927	97927	EE4513	Quản lý công nghiệp	42	5	0920-1150	AB	D5-202	Nguyễn Anh Tuấn	40	LT+BT
227	97904	97904	EE4114	Quy hoạch phát triển hệ thống điện	43	4	0830-1150	AB	D3-403	Lê Minh Khánh	60	LT+BT
228	96842	96842	EE4607	Robot công nghiệp	8	6	1230-1500	AB	D9-307	Trần Văn Tuấn	35	LT+BT
229	97906	97906	EE5060	Sử dụng máy tính trong phân tích HTĐ	52	3	1015-1150	AB	D3-403	Đinh Quang Huy	50	LT+BT
230	97906	97906	EE5060	Sử dụng máy tính trong phân tích HTĐ	52	5	0645-0820	AB	D3-403	Đinh Quang Huy	50	LT+BT
231	96870	96870	EE3676	Thiết bị đo điện từ	31	2	0645-0915	AB	D9-507	Lê Minh Thùy	35	LT+BT
232	97886	97886	EE4423	Thiết bị khí nén và thủy lực trong tự động hóa	96	2	1230-1550	AB	TC-411	Nguyễn Quang Định	90	LT+BT
233	97887	97887	EE4423	Thiết bị khí nén và thủy lực trong tự động hóa	87	2	1600-1735	AB	TC-410	Nguyễn Danh Huy	90	LT+BT

TT	Mã Lớp	Mã Lớp kèm	Mã HP	Tên học phần	SLSV	Thứ	Thời gian	Kì	Phòng	Cán bộ GD	SL Max	
234	97887	97887	EE4423	Thiết bị khí nén và thủy lực trong tự động hóa	87	4	1230-1405	AB	TC-410	Nguyễn Danh Huy	90	LT+BT
235	97884	97884	EE4401	Thiết kế hệ điều khiển nhúng	46	5	1230-1405	AB	TC-411	Chu Đức Việt	60	LT+BT
236	97884	97884	EE4401	Thiết kế hệ điều khiển nhúng	46	6	1600-1735	AB	TC-411	Chu Đức Việt	60	LT+BT
237	96924	96924	EE4401E	Thiết kế hệ điều khiển nhúng (BTL)	21	2	0830-1150	AB	D9-504	Chu Đức Việt	35	LT+BT
238	97915	97915	EE4336	Thiết kế hệ thống điều khiển điện tử công suất	73	4	0920-1150	AB	T-406	Vũ Hoàng Phương	100	LT+BT
239	97924	97924	EE4551	Thiết kế hệ thống nhúng	50	4	0645-1005	AB	D9-103	Nguyễn Quốc Cường	80	LT+BT
240	97901	97901	EE5211	Thiết kế khí cụ điện	81	2	0645-1005	AB	D3-403	Đặng Chí Dũng		LT+BT
241	97902	97902	EE4207	Thiết kế thiết bị điều khiển	26	2	1015-1150	AB	D3-403	Nguyễn Thanh Sơn	60	LT+BT
242	97902	97902	EE4207	Thiết kế thiết bị điều khiển	26	4	0645-0820	AB	D3-403	Nguyễn Thanh Sơn	60	LT+BT
243	97894	97894	EE4260	Thiết kế thiết bị đo	94	3	1230-1500	AB	T-505	Nguyễn Thị Lan Hương	120	LT+BT
244	96816	96816	EE2000	Tín hiệu và hệ thống	32	6	0830-1150	AB	D9-304	Đỗ Thị Tú Anh	35	LT+BT
245	96966	96966	EE3000E	Tín hiệu và hệ thống	44	5	1415-1735	AB	D9-504	Đỗ Thị Tú Anh	50	LT+BT
246	97801	NULL	EE2000	Tín hiệu và hệ thống	NULL	2	1505-1735	AB	D3-5-301	Đỗ Thị Tú Anh	170	LT
247	97802	97801	EE2000	Tín hiệu và hệ thống	84	6	1230-1405	AB	TC-410	Nguyễn Việt Dũng	85	BT
248	97803	97801	EE2000	Tín hiệu và hệ thống	54	6	1415-1550	AB	TC-411	Nguyễn Việt Dũng	85	BT
249	97812	NULL	EE2000	Tín hiệu và hệ thống	NULL	3	1505-1735	AB	D3-5-301	Đỗ Thị Tú Anh	170	LT
250	97813	97812	EE2000	Tín hiệu và hệ thống	87	5	1415-1550	AB	TC-213	Nguyễn Việt Dũng	85	BT
251	97814	97812	EE2000	Tín hiệu và hệ thống	85	5	1600-1735	AB	TC-213	Đặng Văn Mỹ	85	BT
252	97821	NULL	EE2000	Tín hiệu và hệ thống	NULL	6	1230-1500	AB	D3-5-301	Đào Phuwong Nam	170	LT
253	97822	97821	EE2000	Tín hiệu và hệ thống	76	5	1600-1735	AB	TC-410	Đặng Văn Mỹ	85	BT
254	97823	97821	EE2000	Tín hiệu và hệ thống	85	5	1415-1550	AB	TC-411	Nguyễn Việt Dũng	85	BT
255	97907	97907	EE4108	Tối ưu hoá chế độ hệ thống điện	59	5	0830-1150	AB	D3-403	Nguyễn Hoàng Việt	60	LT+BT
256	96715	96715	EE4433	Tối ưu hoá và điều khiển tối ưu	25	6	1230-1550	AB	D9-302	Nguyễn Doãn Phước	35	LT+BT
257	97888	97888	EE4240	Trang bị điện-điện tử các máy công nghiệp	69	2	1230-1550	AB	TC-213	Lê Minh Hà	80	LT+BT
258	97889	97889	EE4240	Trang bị điện-điện tử các máy công nghiệp	59	2	1600-1735	AB	TC-213	Vũ Thụy Nguyên	80	LT+BT
259	97889	97889	EE4240	Trang bị điện-điện tử các máy công nghiệp	59	4	1230-1405	AB	TC-213	Vũ Thụy Nguyên	80	LT+BT
260	97890	97890	EE4240	Trang bị điện-điện tử các máy công nghiệp	76	4	1415-1735	AB	TC-213	Lê Minh Hà	80	LT+BT
261	97959	97959	EE4310	Trang bị điện-điện tử các máy công nghiệp	27	5	0920-1150	AB	D3-404	Vũ Thụy Nguyên	40	LT+BT
262	96778	96778	EE2030	Trường điện từ	25	6	1600-1735	AB	D9-304	Nguyễn Thế Thắng	35	LT+BT
263	99006	99006	EE2030	Trường điện từ	9	4	1015-1150	AB	D9-107	Nguyễn Công Phương	35	LT+BT
264	97866	97866	EE3510	Truyền động điện	36	2	0645-0915	AB	TC-207	Nguyễn Văn Liền	60	LT+BT
265	98071	98071	EE3539	Truyền động điện	69	2	0920-1150	AB	TC-205	Nguyễn Tùng Lâm	100	LT+BT
266	97891	97891	EE4422	Vi điều khiển và ứng dụng	75	3	1230-1500	AB	TC-411	Nguyễn Hồng Quang	80	LT+BT
267	97892	97892	EE4422	Vi điều khiển và ứng dụng	39	3 ⁸	1505-1735	AB	TC-410	Nguyễn Danh Huy	80	LT+BT

TT	Mã Lớp	Mã Lớp kèm	Mã HP	Tên học phần	SLSV	Thứ	Thời gian	Kì	Phòng	Cán bộ GD	SL Max	
268	97893	97893	EE4422	Vi điều khiển và ứng dụng	86	6	1230-1500	AB	TC-213	Võ Duy Thành	80	LT+BT
269	97961	97961	EE3481	Vi điều khiển và ứng dụng	53	2	0645-0915	AB	D3-404	Nguyễn Hồng Quang	60	LT+BT
270	97928	97928	EE4525	Vi hệ thống	34	2	1015-1150	A	D9-104	Nguyễn Hoàng Nam	30	LT+BT
271	97928	97928	EE4525	Vi hệ thống	34	4	1015-1150	A	D9-103	Nguyễn Hoàng Nam	30	LT+BT
272	96776	96776	EE3480	Vi xử lý	19	4	1505-1735	AB	D5-102	Vũ Đức Trọng	35	LT+BT
273	97854	97854	EE3480	Vi xử lý	90	6	0645-0915	AB	T-406	Trần Thị Anh Xuân	90	LT+BT
274	97855	97855	EE3480	Vi xử lý	91	6	0920-1150	AB	T-405	Lê Minh Thùy	90	LT+BT
275	97856	97856	EE3480	Vi xử lý	68	4	0645-0915	AB	TC-504	Trần Thị Anh Xuân	90	LT+BT
276	97857	97857	EE3480	Vi xử lý	82	4	0920-1150	AB	TC-502	Nguyễn Cảnh Quang	90	LT+BT
277	97858	97858	EE3480	Vi xử lý	82	2	0645-0915	AB	T-406	Nguyễn Tuấn Ninh	90	LT+BT
278	97896	97896	EE4250	Xử lý tín hiệu	101	3	1505-1735	AB	T-505	Phạm Thị Ngọc Yến	120	LT+BT

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KÌ 20172- VIỆN ĐIỆN

TT	Mã lớp	Mã lớp kèm	Mã HP	Tên HP	Thứ	BĐ	KT	Kíp	Phòng	án bộ phụ trách	Đợt mở	SLDK	Cán bộ giảng dạy
1	102360	102360	EE1010	Nhập môn kỹ thuật ngành điện	5	5	6	Chiều	T-510	TTTH/CVHT	AB	150	
2	102361	102361	EE1010	Nhập môn kỹ thuật ngành điện	5	5	6	Sáng	T-511	TTTH/CVHT	AB	150	
3	102947	102947	EE1010	Nhập môn kỹ thuật ngành điện	6	5	6	Sáng	D9-204	TTTH/CVHT	AB		
4	102362	102362	EE2000	Tín hiệu và hệ thống	5	1	4	Chiều	T-510	ĐKTĐ	AB	23	Phạm Văn Trường
5	102348	102348	EE2080	Lý thuyết điều khiển	4	4	6	Chiều	T-512	ĐKTĐ	AB	32	Đặng Văn Mỹ
6	102348	102348	EE2080	Lý thuyết điều khiển	6	5	6	Chiều	T-412	ĐKTĐ	AB	32	Đặng Văn Mỹ
7	102148	102148	EE3280	Lý thuyết điều khiển I	6	1	4	Chiều	T-401	ĐKTĐ	AB	475	Đặng Văn Mỹ
8	102149	102149	EE3280	Lý thuyết điều khiển I	2	1	4	Chiều	T-401	ĐKTĐ	AB	475	Đỗ Thị Tú Anh
9	102150	102150	EE3280	Lý thuyết điều khiển I	4	1	4	Chiều	T-401	ĐKTĐ	AB	475	Vũ Thị Thủy Nga
10	102151	102151	EE3280	Lý thuyết điều khiển I	2	5	6	Chiều	T-401	ĐKTĐ	AB	475	Nguyễn Hoài Nam
11	102151	102151	EE3280	Lý thuyết điều khiển I	4	5	6	Chiều	T-401	ĐKTĐ	AB	475	Nguyễn Hoài Nam
12	102152	102152	EE3280	Lý thuyết điều khiển I	3	1	4	Chiều	T-401	ĐKTĐ	AB	475	Đỗ Thị Tú Anh
13	101511	101511	EE3359	Lý thuyết điều khiển tự động	5	1	4	Chiều	TC-308	ĐKTĐ	AB	80	Nguyễn Trọng Thuần
14	101512	101512	EE3359	Lý thuyết điều khiển tự động	6	3	6	Chiều	TC-310	ĐKTĐ	AB	80	Nguyễn Trọng Thuần
15	102468	102468	EE3550	Điều khiển quá trình	5	1	3	Chiều	T-407	ĐKTĐ	AB	299	Nguyễn Thu Hà
16	102469	102469	EE3550	Điều khiển quá trình	5	4	6	Chiều	T-407	ĐKTĐ	AB	299	Đinh Thị Lan Anh
17	102045	102045	EE3559	Điều khiển quá trình	6	4	6	Chiều	TC-506	ĐKTĐ	AB	192	ĐKTĐ
18	102046	102046	EE3559	Điều khiển quá trình	6	1	3	Chiều	TC-506	ĐKTĐ	AB	192	Đinh Thị Lan Anh
19	102342	102342	EE3551	Hệ thống điều khiển quá trình	3	1	3	Chiều	T-512	ĐKTĐ	AB	67	Cao Thành Trung
20	102439	102439	EE4420	Điều khiển mờ và mạng nơron	2	1	3	Chiều	T-403	ĐKTĐ	AB	165	Nguyễn Hoài Nam
21	102440	102440	EE4420	Điều khiển mờ và mạng nơron	6	4	6	Sáng	T-405	ĐKTĐ	AB	165	Đào Phương Nam
22	102444	102444	EE4433	Tối ưu hoá và điều khiển tối ưu	4	1	4	Sáng	T-512	ĐKTĐ	AB	43	Đào Phương Nam
23	102445	102445	EE4435	Hệ thống điều khiển số	6	1	3	Chiều	T-403	ĐKTĐ	AB	83	Chu Đức Việt
24	102448	102448	EE4440	Thiết kế hệ thống điều khiển	2	4	6	Chiều	T-405	ĐKTĐ	AB	68	Vũ Thị Thủy Nga

TT	Mã lớp	Mã lớp kèm	Mã HP	Tên HP	Thứ	BD	KT	Kíp	Phòng	án bộ phụ trách	Đợt mở	SLDK	Cán bộ giảng dạy
25	102363	102363	EE2020	Lý thuyết mạch điện I	6	1	4	Chiều	T-511	ĐL	AB	114	Trần Thị Thảo
26	102364	102364	EE2020	Lý thuyết mạch điện I	5	1	4	Sáng	T-511	ĐL	AB	114	Trần Thị Thảo
27	102365	102365	EE2030	Trường điện từ	6	1	2	Sáng	T-502	ĐL	AB	449	Nguyễn Công Phương
28	102366	102366	EE2030	Trường điện từ	6	5	6	Sáng	T-502	ĐL	AB	449	Trần Thị Thảo
29	102367	102367	EE2030	Trường điện từ	2	1	3	Chiều	T-512	ĐL	AB	449	Nguyễn Việt Sơn
30	102368	102368	EE2030	Trường điện từ	5	5	6	Chiều	T-511	ĐL	AB	449	Cung Thành Long
31	102369	102369	EE2030	Trường điện từ	2	1	2	Sáng	T-512	ĐL	AB	449	Nguyễn Công Phương
32	102370	102370	EE2110	Điện từ tương tự	4	4	6	Chiều	T-510	ĐL	AB	489	Nguyễn Tuấn Ninh
33	102371	102371	EE2110	Điện từ tương tự	3	4	6	Sáng	T-502	ĐL	AB	489	Trần Văn Tuấn
34	102372	102372	EE2110	Điện từ tương tự	3	1	3	Chiều	T-511	ĐL	AB	489	Vũ Đức Trọng
35	102373	102373	EE2110	Điện từ tương tự	4	4	6	Chiều	T-511	ĐL	AB	489	Vũ Đức Trọng
36	102374	102374	EE2110	Điện từ tương tự	4	1	3	Sáng	T-502	ĐL	AB	489	Nguyễn Quốc Cường
37	102349	102349	EE2111	Điện từ tương tự và số	6	1	4	Chiều	T-510	ĐL	AB	138	Trần Văn Tuấn
38	102350	102350	EE2111	Điện từ tương tự và số	5	1	4	Sáng	T-502	ĐL	AB	138	Nguyễn Cảnh Quang
39	102375	102375	EE2120	Lý thuyết mạch điện II	6	3	4	Sáng	T-502	ĐL	AB	486	Trần Thị Thảo
40	102376	102376	EE2120	Lý thuyết mạch điện II	5	5	6	Sáng	T-502	ĐL	AB	486	Nguyễn Công Phương
41	102377	102377	EE2120	Lý thuyết mạch điện II	5	1	2	Chiều	T-405	ĐL	AB	486	Trần Thị Thảo
42	102378	102378	EE2120	Lý thuyết mạch điện II	5	3	4	Chiều	T-405	ĐL	AB	486	Cung Thành Long
43	102379	102379	EE2120	Lý thuyết mạch điện II	2	5	6	Sáng	T-512	ĐL	AB	486	Nguyễn Việt Sơn
44	102380	102380	EE2120	Lý thuyết mạch điện II	2	3	4	Sáng	T-512	ĐL	AB	486	Trần Hoài Linh
45	102381	102381	EE2130	Thiết kế hệ thống số	2	4	6	Chiều	T-512	ĐL	AB	452	Lê Công Cường
46	102382	102382	EE2130	Thiết kế hệ thống số	6	1	3	Sáng	T-405	ĐL	AB	452	Nguyễn Tuấn Ninh
47	102383	102383	EE2130	Thiết kế hệ thống số	3	4	6	Chiều	T-511	ĐL	AB	452	Nguyễn Cảnh Quang
48	102384	102384	EE2130	Thiết kế hệ thống số	4	1	3	Chiều	T-511	ĐL	AB	452	Trần Văn Tuấn
49	102385	102385	EE2130	Thiết kế hệ thống số	4	4	6	Sáng	T-502	ĐL	AB	452	Nguyễn Quốc Cường
50	102351	102351	EE2200	Hệ thống và thiết bị đo	2	1	3	Chiều	T-511	ĐL	AB	119	Nguyễn Thị Huế
51	102352	102352	EE2200	Hệ thống và thiết bị đo	2	1	3	Sáng	T-510	ĐL	AB	119	Lê Thị Thanh Hà
52	101474	101474	EE3059	Cảm biến đo lường và xử lý tín hiệu đo	2	1	3	Sáng	TC-406	ĐL	AB	80	Nguyễn Thị Lan Hương
53	101475	101475	EE3059	Cảm biến đo lường và xử lý tín hiệu đo	5	1	3	Sáng	TC-308	ĐL	AB	80	Nguyễn Thanh Hường
54	102619	102619	EE3109	Điện từ tương tự và điện từ số	2	1	3	Sáng	D4-401	ĐL	AB	25	Vũ Đức Trọng
55	102407	102407	EE3110	Kỹ thuật đo lường	5	1	3	Chiều	T-406	ĐL	AB	36	Nguyễn Thị Huế
56	102355	102355	EE3111	Kỹ thuật đo lường	6	5	6	Chiều	T-510	ĐL	AB	38	Lê Thị Thanh Hà
57	102461	102461	EE3480	Vi xử lý	3	4	6	Chiều	T-407	ĐL	AB	62	Trần Thị Anh Xuân
58	102462	102462	EE3480	Vi xử lý	4	4	6	Sáng	T-405	ĐL	AB	62	Trần Thị Anh Xuân

TT	Mã lớp	Mã lớp kèm	Mã HP	Tên HP	Thứ	BD	KT	Kíp	Phòng	án bộ phụ trách	Đợt mở	SLDK	Cán bộ giảng dạy
59	102395	102395	EE3600	Hệ thống đo và điều khiển công nghiệp	4	1	3	Chiều	T-512	ĐL	AB	304	Bùi Đăng Thành
60	102396	102396	EE3600	Hệ thống đo và điều khiển công nghiệp	3	4	6	Chiều	T-512	ĐL	AB	304	Nguyễn Anh Tuấn
61	102397	102397	EE3600	Hệ thống đo và điều khiển công nghiệp	5	4	6	Chiều	T-512	ĐL	AB	304	Nguyễn Hoàng Nam
62	102449	102449	EE4502	Kỹ thuật cảm biến	4	1	4	Sáng	T-403	ĐL	AB	42	Hoàng Sĩ Hồng
63	102450	102450	EE4513	Quản lý công nghiệp	3	4	6	Chiều	T-406	ĐL	AB	31	Nguyễn Anh Tuấn
64	102450	102450	EE4513	Quản lý công nghiệp	6	4	6	Chiều	T-403	ĐL	AB	31	Nguyễn Anh Tuấn
65	102453	102453	EE4524	Đo và kiểm tra không phá hủy	3	5	6	Sáng	T-405	ĐL	AB	36	Cung Thành Long
66	102454	102454	EE4525	Vi hệ thống	2	5	6	Sáng	T-405	ĐL	AB	50	Nguyễn Hoàng Nam
67	102455	102455	EE4527	Công nghệ FPGA và ngôn ngữ VHDL	6	4	6	Chiều	T-406	ĐL	AB	26	Nguyễn Tuấn Ninh
68	102456	102456	EE4528	Đo lường nâng cao	6	1	3	Chiều	T-406	ĐL	AB	33	Đào Đức Thịnh
69	102457	102457	EE4531	Thiết bị đo y sinh và môi trường	5	1	4	Sáng	T-405	ĐL	AB	82	Nguyễn Thị Lan Hương
70	102458	102458	EE4550	Mạng tốc độ cao	3	1	4	Sáng	T-406	ĐL	AB	86	Đào Đức Thịnh
71	102459	102459	EE4551	Thiết kế hệ thống nhúng	3	5	6	Sáng	T-403	ĐL	AB	51	Nguyễn Quốc Cường
72	102459	102459	EE4551	Thiết kế hệ thống nhúng	5	5	6	Sáng	T-405	ĐL	AB	51	Nguyễn Quốc Cường
73	102452	102452	EE4519	Mạng nơron và ứng dụng trong xử lý tín hiệu	4	5	6	Sáng	T-403	ĐL/MICA	AB	44	Trần Hoài Linh
74	102460	102460	EE4611	An ninh và quản trị mạng	3	1	3	Chiều	T-407	ĐL/Viện CNTT	AB	24	Trần Hoài Linh
75	102341	102341	EE3423	Hệ thống cung cấp điện	2	1	3	Sáng	T-502	HTĐ	AB	105	Nguyễn Hoàng Việt
76	102414	102414	EE3425	Hệ thống cung cấp điện	4	1	4	Sáng	T-511	HTĐ	AB	162	Bách Quốc Khánh
77	102415	102415	EE3425	Hệ thống cung cấp điện	3	1	4	Sáng	T-512	HTĐ	AB	162	Lê Việt Tiến
78	102418	102418	EE4010	Lưới điện	5	1	4	Sáng	T-406	HTĐ	AB	58	Trần Mạnh Hùng
79	102419	102419	EE4020	Ngắn mạch trong hệ thống điện	6	1	4	Sáng	T-512	HTĐ	AB	67	Trương Ngọc Minh
80	102420	102420	EE4050	Kỹ thuật điện cao áp I	5	5	6	Sáng	T-406	HTĐ	AB	49	Phạm Thành Chung
81	102420	102420	EE4050	Kỹ thuật điện cao áp I	6	5	6	Sáng	T-512	HTĐ	AB	49	Phạm Thành Chung
82	102398	102398	EE4061	Bảo vệ và điều khiển HTĐ II	4	1	4	Chiều	T-403	HTĐ	AB	41	Nguyễn Đức Huy
83	102422	102422	EE4081	Vật liệu kỹ thuật điện	3	5	6	Chiều	T-405	HTĐ	AB	89	Phạm Thành Chung
84	102390	102390	EE4108	Tối ưu hoá chế độ hệ thống điện	3	1	4	Chiều	T-403	HTĐ	AB	23	Phạm Năng Văn
85	102775	102775	EE4111	Công nghệ phát điện	4	3	6	Chiều	TC-207	HTĐ	B	37	Lê Đức Tùng

TT	Mã lớp	Mã lớp kèm	Mã HP	Tên HP	Thứ	BD	KT	Kíp	Phòng	án bộ phụ trách	Đợt mở	SLDK	Cán bộ giảng dạy
86	102790	102790	EE4112	Nhà máy thủy điện	3	5	6	Chiều	TC-207	HTĐ	AB	51	Nguyễn Thị Hoài Thu
87	102401	102401	EE4115	Ổn định của hệ thống điện	2	1	3	Chiều	T-407	HTĐ	AB	51	Đỗ Xuân Khôi
88	102402	102402	EE4121	Đo lường cao áp và kiểm tra không phá huỷ	6	5	6	Sáng	T-511	HTĐ	AB	29	Đinh Quốc Trí
89	102392	102392	EE5050	Kỹ thuật điện cao áp II	2	4	6	Sáng	T-511	HTĐ	AB	23	Nguyễn Đình Thắng
90	102393	102393	EE5060	Sử dụng máy tính trong phân tích HTĐ	5	1	4	Chiều	T-511	HTĐ	AB	26	Đinh Quang Huy
91	102923	102923	EE2010	Kỹ thuật điện	5	1	3	Sáng	TC-304	TBĐ	AB	302	Nguyễn Bích Liên
92	102924	102924	EE2010	Kỹ thuật điện	5	4	6	Sáng	TC-304	TBĐ	AB	302	Trần Tuấn Vũ
93	102925	102925	EE2010	Kỹ thuật điện	3	4	6	Sáng	TC-305	TBĐ	AB	302	Nguyễn Bích Liên
94	101655	101655	EE2012	Kỹ thuật điện	4	4	6	Sáng	TC-211	TBĐ	AB	80	Nguyễn Thanh Sơn
95	101656	101656	EE2012	Kỹ thuật điện	5	1	3	Sáng	TC-211	TBĐ	AB	80	Nguyễn Nga Việt
96	101657	101657	EE2012	Kỹ thuật điện	5	4	6	Sáng	TC-211	TBĐ	AB	80	Bùi Minh Định
97	101658	101658	EE2012	Kỹ thuật điện	6	4	6	Sáng	TC-211	TBĐ	AB	80	Nguyễn Nga Việt
98	101538	101538	EE2014	Kỹ thuật điện	4	3	6	Sáng	TC-210	TBĐ	AB	80	Nguyễn Thế Công
99	102406	102406	EE3091	Khí cụ điện	3	5	6	Chiều	T-403	TBĐ	AB	56	Phùng Anh Tuấn
100	102408	102408	EE3140	Máy điện I	4	1	3	Chiều	T-405	TBĐ	AB	48	Nguyễn Vũ Thanh
101	102356	102356	EE3141	Máy điện cơ sở	3	1	3	Chiều	T-510	TBĐ	AB	162	Phạm Minh Tú
102	102357	102357	EE3141	Máy điện cơ sở	3	1	3	Sáng	T-510	TBĐ	AB	162	Đặng Quốc Vương
103	102409	102409	EE3242	Khí cụ điện	4	5	6	Sáng	T-511	TBĐ	AB	201	Phùng Anh Tuấn
104	102410	102410	EE3242	Khí cụ điện	3	5	6	Sáng	T-512	TBĐ	AB	201	Hoàng Anh
105	102411	102411	EE3242	Khí cụ điện	5	5	6	Sáng	T-403	TBĐ	AB	201	Hoàng Anh
106	102421	102421	EE4080	Máy điện II	3	1	4	Chiều	T-405	TBĐ	AB	83	Triệu Việt Linh
107	102403	102403	EE4211	Thiết kế máy điện	5	1	4	Chiều	T-403	TBĐ	AB	25	Nguyễn Vũ Thanh
108	102344	102344	EE4231	Bảo dưỡng công nghiệp	2	4	6	Sáng	T-502	TBĐ	AB	167	Nguyễn Văn Ánh
109	102345	102345	EE4231	Bảo dưỡng công nghiệp	2	1	3	Chiều	T-510	TBĐ	AB	167	Nguyễn Văn Ánh
110	102391	102391	EE4241	Hệ thống cung cấp điện cho các tòa nhà	2	1	3	Sáng	T-511	TBĐ	AB	58	Hoàng Anh
111	102404	102404	EE4267	Công nghệ chế tạo thiết bị điện	6	1	4	Chiều	T-512	TBĐ	AB	23	Bùi Đức Hùng
112	102405	102405	EE5211	Thiết kế khí cụ điện	4	5	6	Chiều	T-403	TBĐ	AB	44	Đặng Chí Dũng
113	102405	102405	EE5211	Thiết kế khí cụ điện	6	5	6	Chiều	T-512	TBĐ	AB	44	Đặng Chí Dũng
114	102425	102425	EE4323	Hệ thống tự động hóa nhà máy nhiệt điện	4	1	3	Sáng	T-510	TĐH	AB	61	Bùi Quốc Khánh
115	102412	102412	EE3410	Điện tử công suất	4	4	6	Chiều	T-405	TĐH	AB	86	Đỗ Mạnh Cường
116	102424	102424	EE4316	Mô hình hoá và mô phỏng	3	4	6	Sáng	T-510	TĐH	AB	73	Đỗ Mạnh Cường

TT	Mã lớp	Mã lớp kèm	Mã HP	Tên HP	Thứ	BD	KT	Kíp	Phòng	án bộ phụ trách	Đợt mở	SLDK	Cán bộ giảng dạy
117	102343	102343	EE4225	Điều khiển PLC và mạng công nghiệp	6	1	2	Chiều	T-405	TĐH	AB	96	Đỗ Trọng Hiếu
118	101479	101479	EE4220	Điều khiển logic và PLC	4	1	4	Sáng	TC-408	TĐH	AB	80	Đỗ Trọng Hiếu
119	102346	102346	EE4310	Trang bị điện-điện tử các máy công nghiệp	3	1	3	Sáng	T-502	TĐH	AB	116	Lê Minh Hà
120	102431	102431	EE4240	Trang bị điện-điện tử các máy công nghiệp	2	1	4	Sáng	T-405	TĐH	AB	39	Lê Minh Hà
121	102443	102443	EE4423	Thiết bị khí nén và thủy lực trong tự động hóa	3	1	4	Sáng	T-405	TĐH	AB	49	Nguyễn Danh Huy
122	102353	102353	EE3481	Vi điều khiển và ứng dụng	2	4	6	Chiều	T-511	TĐH	AB	134	Nguyễn Danh Huy
123	101465	101465	EE4360	PLC và Mạng CN	6	1	2	Chiều	TC-208	TĐH	AB	80	Nguyễn Danh Huy
124	102428	102428	EE4530	Thiết kế hệ thống TĐH	5	4	6	Sáng	T-510	TĐH	AB	70	Nguyễn Hồng Quang
125	102441	102441	EE4422	Vi điều khiển và ứng dụng	5	4	6	Chiều	T-406	TĐH	AB	127	Nguyễn Hồng Quang
126	102442	102442	EE4422	Vi điều khiển và ứng dụng	2	4	6	Chiều	T-403	TĐH	AB	127	Nguyễn Hồng Quang
127	101478	101478	EE4220	Điều khiển logic và PLC	3	3	6	Sáng	TC-309	TĐH	AB	80	Nguyễn Huy Phương
128	102467	102467	EE3550	Điều khiển quá trình	4	1	3	Sáng	T-405	TĐH	AB	299	Nguyễn Huy Phương
129	102426	102426	EE4325	Hệ thống tự động hóa nhà máy xi măng	4	4	6	Sáng	T-510	TĐH	AB	98	Nguyễn Mạnh Tiến
130	102427	102427	EE4330	Hệ thống sản xuất Tự động hóa tích hợp máy tính	5	1	3	Sáng	T-510	TĐH	AB	63	Nguyễn Phạm Thục Anh
131	102435	102435	EE4341	Kỹ thuật Robot	2	1	4	Sáng	T-406	TĐH	AB	187	Nguyễn Phạm Thục Anh
132	102463	102463	EE3510	Truyền động điện	3	4	6	Sáng	T-511	TĐH	AB	415	Nguyễn Quang Định
133	102465	102465	EE3510	Truyền động điện	4	1	3	Chiều	T-407	TĐH	AB	415	Nguyễn Quang Định
134	102429	102429	EE4540	Điều khiển máy CNC	6	1	3	Sáng	T-510	TĐH	AB	107	Nguyễn Tùng Lâm
135	101476	101476	EE3539	Truyền động điện	2	4	6	Sáng	TC-406	TĐH	AB	80	Nguyễn Tùng Lâm
136	101477	101477	EE3539	Truyền động điện	5	4	6	Sáng	TC-308	TĐH	AB	80	Nguyễn Tùng Lâm
137	102437	102437	EE4347	Điều khiển truyền động điện	6	1	4	Sáng	T-406	TĐH	AB	143	Nguyễn Văn Liễn
138	102430	102430	EE5220	Hệ thống tự động hóa nhà máy giấy	6	4	6	Sáng	T-510	TĐH	AB	42	Phạm Quang Đăng
139	102413	102413	EE3410	Điện tử công suất	2	1	3	Sáng	T-403	TĐH	AB	86	Phạm Việt Phương
140	102359	102359	EE3511	Truyền động điện	4	1	3	Chiều	T-510	TĐH	AB	39	Phạm Việt Phương
141	101466	101466	EE4360	PLC và Mạng CN	2	5	6	Chiều	TC-210	TĐH	AB	80	Phan Thị Huyền Châu
142	102466	102466	EE3510	Truyền động điện	4	4	6	Chiều	T-407	TĐH	AB	415	Tạ Cao Minh
143	102436	102436	EE4347	Điều khiển truyền động điện	3	1	4	Sáng	T-403	TĐH	AB	143	Tạ Cao Minh
144	102464	102464	EE3510	Truyền động điện	6	1	3	Sáng	T-403	TĐH	AB	415	Tạ Cao Minh
145	102340	102340	EE3411	Hệ thống biến đổi điện cơ	2	4	6	Sáng	T-403	TĐH	AB	77	Tạ Duy Hà

TT	Mã lớp	Mã lớp kèm	Mã HP	Tên HP	Thứ	BD	KT	Kíp	Phòng	án bộ phụ trách	Đợt mở	SLDK	Cán bộ giảng dạy
146	102434	102434	EE4336	Thiết kế hệ thống điều khiển điện tử công suất	6	4	6	Sáng	T-403	TĐH	AB	156	Trần Trọng Minh
147	102423	102423	EE4300	Hệ thống thu thập dữ liệu và điều khiển bằng máy tính	2	5	6	Chiều	T-406	TĐH	AB	72	Võ Duy Thành
148	102423	102423	EE4300	Hệ thống thu thập dữ liệu và điều khiển bằng máy tính	5	5	6	Chiều	T-403	TĐH	AB	72	Võ Duy Thành
149	102354	102354	EE3481	Vi điều khiển và ứng dụng	2	4	6	Sáng	T-510	TĐH	AB	134	Võ Duy Thành
150	102339	102339	EE3411	Hệ thống biến đổi điện cơ	2	4	6	Chiều	T-502	TĐH	AB	77	Võ Minh Chính
151	102358	102358	EE3412	Điện tử công suất	3	4	6	Chiều	T-510	TĐH	AB	30	Vũ Hoàng Phương
152	102433	102433	EE4336	Thiết kế hệ thống điều khiển điện tử công suất	2	4	6	Chiều	T-407	TĐH	AB	156	Vũ Hoàng Phương
153	102347	102347	EE4310	Trang bị điện-điện tử các máy công nghiệp	2	4	6	Chiều	T-510	TĐH	AB	116	Vũ Thụy Nguyên

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KÌ 20172- VIỆN ĐIỆN

TT	Mã lớp	ã lớp kè	Mã HP	Tên HP	Buổi s	Thứ	BD	KT	Kíp	Phòng	Đợt m	CB giảng dạy
1	100004	100004	EE3280	Lý thuyết điều khiển I	1	2	1	4	Sáng	D6-302	AB	Nguyễn Doãn Phước
2	100134	100134	EE3286	Lý thuyết điều khiển	1	2	3	6	Chiều	D6-107	AB	Nguyễn Thu hà
3	99955	99955	EE3359	Lý thuyết điều khiển tự động	1	3	3	6	Chiều	D6-101	AB	Nguyễn Doãn Phước
4	99964	99964	EE3550	Điều khiển quá trình	1	4	4	6	Chiều	D6-102	AB	Nguyễn Thu Hà
5	99931	99931	EE4401	Thiết kế hệ điều khiển nhúng	1	5	1	4	Sáng	D6-102	AB	Chu Đức Việt
6	99934	99934	EE4409	Tự động hoá quá trình công nghệ	1	4	1	4	Sáng	D6-102	AB	Nguyễn Trọng Thuấn
7	99933	99933	EE4439	Điều khiển hệ điện cơ	1	4	5	6	Sáng	D6-102	AB	Đào Phương Nam
8	99933	99933	EE4439	Điều khiển hệ điện cơ	2	6	5	6	Sáng	D6-102	AB	Đào Phương Nam
9	99932	99932	EE4440	Thiết kế hệ thống điều khiển	1	3	4	6	Sáng	D6-102	AB	Vũ Thị Thúy Nga
10	99935	99935	EE4445	Điều khiển mờ và mạng nơron	1	6	1	4	Sáng	D6-102	AB	Nguyễn Hoài Nam
11	100006	100006	EE2110	Điện tử tương tự	1	5	1	3	Sáng	D6-106	AB	Lê Công Cường
12	100003	100003	EE2120	Lý thuyết mạch điện II	1	3	1	2	Sáng	D6-106	AB	Nguyễn Thế Thắng
13	100007	100007	EE2130	Thiết kế hệ thống số	1	5	4	6	Sáng	D6-106	AB	Trần Văn Tuấn
14	100073	100073	EE3110E	Kỹ thuật đo lường	1	6	4	6	Sáng	D6-302	AB	Nguyễn Thanh Hường + Hoàng Sĩ Hồng
15	99965	99965	EE3600	Hệ thống đo và điều khiển công nghiệp	1	5	1	3	Chiều	D6-103	AB	Bùi Đăng Thành
16	100144	100144	EE3626	Cảm biến và thiết bị đo	1	4	3	6	Chiều	D6-207	A	Phạm Thị Ngọc Yến
17	100135	100135	EE3656	Điện tử số	1	6	1	3	Chiều	D6-302	AB	Trần Thị Anh Xuân
18	100061	100061	EE3726	Mạch tuyến tính 2	1	4	5	6	Sáng	D6-104	AB	Nguyễn Việt Sơn
19	100061	100061	EE3726	Mạch tuyến tính 2	2	6	1	3	Sáng	D6-104	AB	Nguyễn Việt Sơn
20	100071	100071	EE3726	Mạch tuyến tính 2	1	4	5	6	Sáng	D6-302	AB	Cung Thành Long
21	100071	100071	EE3726	Mạch tuyến tính 2	2	6	1	3	Sáng	D6-302	AB	Cung Thành Long
22	100038	100038	EE3746	Điện tử 2	1	2	1	3	Chiều	D6-104	AB	Nguyễn Cảnh Quang
23	100038	100038	EE3746	Điện tử 2	2	4	5	6	Chiều	D6-104	AB	Nguyễn Cảnh Quang
24	100123	100123	EE4601	Hệ thống điều khiển và giám sát	1	3	3	6	Sáng	D4-104	AB	Nguyễn Tuấn Ninh
25	100124	100124	EE4602	Vi xử lý	1	2	4	6	Sáng	D6-304	AB	Vũ Đức Trọng
26	100122	100122	EE3216	Thiết kế và vận hành lưới điện	1	2	1	3	Sáng	D6-304	AB	Lã Minh Khánh
27	99962	99962	EE3420	Hệ thống cung cấp điện	1	3	3	6	Chiều	D6-102	AB	Lê Việt Tiên
28	100051	100051	EE3420E	Hệ thống cung cấp điện	1	6	3	6	Chiều	D6-105	AB	Bạch Quốc Khánh
29	100050	100050	EE3140E	Máy điện	1	3	4	6	Chiều	D6-105	AB	Đặng Quốc Vương

TT	Mã lớp	ã lớp kè	Mã HP	Tên HP	Buổi s	Thứ	BĐ	KT	Kíp	Phòng	Đợt m	CB giảng dạy
30	99925	99925	EE4220	Điều khiển logic và PLC	1	2	1	4	Sáng	D9-207	AB	Đỗ Trọng Hiếu
31	100048	100048	EE3410E	Điện tử công suất	1	3	1	3	Chiều	D6-105	AB	Nguyễn Kiên Trung
32	99963	99963	EE3510	Truyền động điện	1	4	4	6	Chiều	D6-102	AB	Nguyễn Quang Định
33	99926	99926	EE3539	Truyền động điện	1	4	1	3	Sáng	D9-207	AB	Phạm Việt Phương
34	100049	100049	EE4220E	Điều khiển logic và PLC	1	6	1	2	Chiều	D6-105	AB	Phan Thị Huyền Châu
35	100047	100047	EE3510E	Truyền động điện	1	5	4	6	Chiều	D6-106	AB	Tạ Cao Minh
36	103139		EE3766	Mạch giao diện máy tính								Vũ Đức Trọng
37	100050		EE3140E	Máy điện								Đặng Quốc Vương

Đổi kíp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI
VIỆN ĐIỆN

THỜI KHÓA BIỂU KỲ 20181 - VIỆN ĐIỆN

Mã lớp	Mã lớp kèm	Mã HP	Tên HP	Thứ	BĐ	KT	Kíp	Phòng	Loại lớp	SLDK	Cán bộ giảng dạy
104959	104959	EE2000	Tín hiệu và hệ thống	5	1	3	Chiều	TC-411	LT+BT	100	TS. Phạm Văn Trường
104973	104973	EE2000	Tín hiệu và hệ thống	4	1	3	Chiều	TC-407	LT+BT	100	TS. Đào Phương Nam
104974	104974	EE2000	Tín hiệu và hệ thống	4	4	6	Chiều	TC-507	LT+BT	100	TS. Đỗ Thị Tú Anh
106375	106375	EE2000	Tín hiệu và hệ thống	2	4	6	AB	TC-205			TS. Đào Phương Nam
106376	106376	EE2000	Tín hiệu và hệ thống	2	1	3	AB	TC-205			TS. Đỗ Thị Tú Anh
105074	105074	EE2201	Hệ thống và thiết bị điều khiển	3	1	3	Sáng	D3-402	LT+BT	70	TS. Vũ Văn Hà
105075	105075	EE2201	Hệ thống và thiết bị điều khiển	3	4	6	Sáng	D3-403	LT+BT	70	TS. Vũ Văn Hà
105171	105171	EE3280	Lý thuyết điều khiển I	2	1	4	Chiều	TC-507	LT+BT	70	TS. Nguyễn Thu Hà
105172	105172	EE3280	Lý thuyết điều khiển I	4	3	6	Chiều	TC-304	LT+BT	70	TS. Nguyễn Hoài Nam
105173	105173	EE3280	Lý thuyết điều khiển I	2	5	6	Chiều	TC-507	LT+BT	70	ThS. Cao Thành Trung
105173	105173	EE3280	Lý thuyết điều khiển I	5	5	6	Chiều	TC-212	LT+BT	70	ThS. Cao Thành Trung
104619	104619	EE3359	Lý thuyết điều khiển tự động	5	1	4	Chiều	TC-208	LT+BT	80	ThS. Cao Thành Trung
104620	104620	EE3359	Lý thuyết điều khiển tự động	3	1	2	Chiều	TC-207	LT+BT	80	TS. Nguyễn Hoài Nam
104620	104620	EE3359	Lý thuyết điều khiển tự động	5	5	6	Chiều	TC-207	LT+BT	80	TS. Nguyễn Hoài Nam
104784	104784	EE3359	Lý thuyết điều khiển tự động	4	3	6	Chiều	D9-103	LT+BT	80	ThS. Đặng Văn Mỹ
104785	104785	EE3359	Lý thuyết điều khiển tự động	2	5	6	Chiều	D9-103	LT+BT	80	ThS. Đặng Văn Mỹ
104785	104785	EE3359	Lý thuyết điều khiển tự động	4	1	2	Chiều	D9-102	LT+BT	80	ThS. Đặng Văn Mỹ
104875	104875	EE3359	Lý thuyết điều khiển tự động	5	3	6	Chiều	T-411	LT+BT	80	ThS. Đặng Văn Mỹ
105078	105078	EE3551	Hệ thống điều khiển quá trình	2	4	6	Sáng	D3-403	LT+BT	70	ThS. Đinh Thị Lan Anh
105323	105323	EE3559	Điều khiển quá trình	5	1	3	Chiều	TC-408	LT+BT	80	TS. Nguyễn Thu Hà
105032	105032	EE4230	Lý thuyết điều khiển II	5	3	6	Chiều	TC-509	LT+BT	60	TS. Đào Phương Nam
105033	105033	EE4401	Thiết kế hệ điều khiển nhúng	5	1	2	Chiều	TC-509	LT+BT	60	ThS. Chu Đức Việt
105033	105033	EE4401	Thiết kế hệ điều khiển nhúng	6	5	6	Chiều	TC-509	LT+BT	60	ThS. Chu Đức Việt

THỜI KHÓA BIỂU KỲ 20181 - VIỆN ĐIỆN

Mã lớp	Mã lớp kèm	Mã HP	Tên HP	Thứ	BĐ	KT	Kíp	Phòng	Loại lớp	SLDK	Cán bộ giảng dạy
105053	105053	EE4420	Điều khiển mờ và mạng nơron	3	1	3	Sáng	T-405	LT+BT	100	TS. Nguyễn Hoài Nam
105028	105028	EE4435	Hệ thống điều khiển số	3	1	3	Chiều	TC-212	LT+BT	80	ThS. Đặng Văn Mỹ
105029	105029	EE4435	Hệ thống điều khiển số	3	4	6	Chiều	TC-212	LT+BT	80	TS. Vũ Thị Thúy Nga
105030	105030	EE4435	Hệ thống điều khiển số	6	1	3	Chiều	TC-212	LT+BT	80	ThS. Chu Đức Việt
2157	2157	EE3359	Lý thuyết ĐKTĐ I	6	1	4	Chiều	D7-503A	LT+BT	61	TS. Nguyễn Thu Hà
2121	2121	EE3280	Lý thuyết ĐKTĐ I	3	1	4	Chiều	D7-502B	LT+BT	31	ThS. Cao Thành Trung
105018	105018	EE2020	Lý thuyết mạch điện I	4	1	4	Chiều	TC-410	LT+BT	100	Cung Thành Long
104939	104939	EE2021	Lý thuyết mạch điện I	2	3	5	Chiều	TC-410	LT+BT	100	Nguyễn Công Phương
104940	104940	EE2021	Lý thuyết mạch điện I	5	4	6	Chiều	TC-411	LT+BT	100	Nguyễn Việt Sơn
104956	104956	EE2021	Lý thuyết mạch điện I	5	1	3	Chiều	TC-410	LT+BT	100	Cung Thành Long
105015	105015	EE2030	Trường điện từ	5	3	4	Sáng	TC-513	LT+BT	70	Nguyễn Việt Sơn
104961	104961	EE2031	Trường điện từ	3	1	3	Chiều	TC-411	LT+BT	100	Nguyễn Công Phương
104977	104977	EE2031	Trường điện từ	4	4	6	Chiều	TC-407	LT+BT	100	Trần Thị Thảo
104978	104978	EE2031	Trường điện từ	4	1	3	Chiều	TC-507	LT+BT	100	Nguyễn Công Phương
105017	105017	EE2110	Điện tử tương tự	6	4	6	Chiều	TC-306	LT+BT	60	Trần Văn Tuấn
105014	105014	EE2120	Lý thuyết mạch điện II	5	1	2	Sáng	TC-513	LT+BT	70	Trần Thị Thảo
105016	105016	EE2130	Thiết kế hệ thống số	2	4	6	Sáng	D9-507	LT+BT	60	Trần Thị Anh Xuân
104669	104669	EE3059	Cảm biến đo lường và xử lý tín hiệu đo	3	1	3	Sáng	TC-208	LT+BT	80	Nguyễn Thanh Hường
104800	104800	EE3059	Cảm biến đo lường và xử lý tín hiệu đo	3	4	6	Sáng	D9-105	LT+BT	80	Nguyễn Thị Huế
105254	105254	EE3109	Điện tử tương tự và điện tử số	3	1	3	Chiều	T-408	LT+BT	80	Nguyễn Tuấn Ninh
105255	105255	EE3109	Điện tử tương tự và điện tử số	3	4	6	Chiều	T-408	LT+BT	80	Lê Công Cường
104979	104979	EE3110	Kỹ thuật đo lường	6	1	3	Sáng	TC-512	LT+BT	90	Lê Thị Thanh Hà
104980	104980	EE3110	Kỹ thuật đo lường	6	4	6	Sáng	TC-513	LT+BT	90	Lê Thị Thanh Hà
104992	104992	EE3110	Kỹ thuật đo lường	4	1	3	Sáng	TC-204	LT+BT	90	Nguyễn Hoàng Nam
104993	104993	EE3110	Kỹ thuật đo lường	4	4	6	Sáng	TC-205	LT+BT	90	Nguyễn Hoàng Nam
104994	104994	EE3110	Kỹ thuật đo lường	6	1	3	Sáng	TC-411	LT+BT	90	Bùi Đăng Thanh
105001	105001	EE3480	Vi xử lý	6	1	3	Sáng	TC-205	LT+BT	80	Trần Thị Anh Xuân
105002	105002	EE3480	Vi xử lý	6	4	6	Sáng	TC-204	LT+BT	80	Vũ Đức Trọng
105003	105003	EE3480	Vi xử lý	4	1	3	Sáng	TC-406	LT+BT	80	Lê Công Cường
105004	105004	EE3480	Vi xử lý	4	4	6	Sáng	TC-406	LT+BT	80	Lê Minh Thùy

THỜI KHÓA BIỂU KỲ 20181 - VIỆN ĐIỆN

Mã lớp	Mã lớp kèm	Mã HP	Tên HP	Thứ	BĐ	KT	Kíp	Phòng	Loại lớp	SLDK	Cán bộ giảng dạy
105005	105005	EE3480	Vi xử lý	2	4	6	Sáng	TC-406	LT+BT	80	Nguyễn Cảnh !Quang
105437	105437	EE3509	Kỹ thuật đo lường	6	4	6	Sáng	D9-102	LT+BT	50	Nguyễn Anh Tuấn
105024	105024	EE3600	Hệ thống đo và điều khiển công nghiệp	6	4	6	Chiều	TC-407	LT+BT	100	Nguyễn Thị Huế
105043	105043	EE4250	Xử lý tín hiệu	3	4	6	Chiều	TC-507	LT+BT	100	Phạm Thị Ngọc Yến
105042	105042	EE4260	Thiết kế thiết bị đo	3	1	3	Chiều	TC-507	LT+BT	120	Hương+Nguyễn Thanh
105066	105066	EE4502	Kỹ thuật cảm biến	3	1	4	Sáng	T-511	LT+BT	80	Hoàng Sĩ Hồng
105067	105067	EE4513	Quản lý công nghiệp	4	4	6	Sáng	T-410	LT+BT	40	Nguyễn Anh Tuấn
105055	105055	EE4550	Mạng tốc độ cao	2	1	4	Sáng	T-504	LT+BT	50	Đào Đức Thịnh
105071	105071	EE3050	Vật liệu kỹ thuật điện	5	3	6	Sáng	D3-403	LT+BT	50	Đinh Quốc Trí
105069	105069	EE3420	Hệ thống cung cấp điện	4	1	4	Sáng	D3-403	LT+BT	80	Lê Thị Minh Châu
105081	105081	EE3423	Hệ thống cung cấp điện	5	1	3	Sáng	D3-402	LT+BT	80	Nguyễn Thị Anh
104985	104985	EE3425	Hệ thống cung cấp điện	4	1	3	Sáng	TC-513	LT+BT	90	Lê Việt Tiến
104986	104986	EE3425	Hệ thống cung cấp điện	4	4	6	Sáng	TC-512	LT+BT	90	Lê Việt Tiến
105009	105009	EE3425	Hệ thống cung cấp điện	3	4	6	Sáng	TC-512	LT+BT	90	Lê Việt Tiến
105010	105010	EE3425	Hệ thống cung cấp điện	3	1	3	Sáng	TC-512	LT+BT	90	Phạm Năng Văn
105019	105019	EE4030	Phân điện nhà máy điện và trạm biến áp	2	1	4	Chiều	TC-306	LT+BT	70	Nguyễn Thị Hoài Thu
105020	105020	EE4040	Bảo vệ và điều khiển HTĐ I	5	3	6	Chiều	TC-308	LT+BT	60	Nguyễn Xuân Tùng
105050	105050	EE4108	Tối ưu hoá chế độ hệ thống điện	5	3	6	Sáng	D9-203	LT+BT	50	Phạm Năng Văn
105047	105047	EE4114	Quy hoạch phát triển hệ thống điện	4	3	6	Sáng	D3-402	LT+BT	30	Lã Minh Khánh
105049	105049	EE5060	Sử dụng máy tính trong phân tích HTĐ	3	5	6	Sáng	D9-203	LT+BT	50	Đinh Quang Huy
105049	105049	EE5060	Sử dụng máy tính trong phân tích HTĐ	5	1	2	Sáng	D9-203	LT+BT	50	Đinh Quang Huy
105051	105051	EE5070	Chuyên đề NMD nguyên tử	3	1	4	Sáng	D9-203	LT+BT	30	Lê Đức Tùng
105052	105052	EE5071	Các nguồn năng lượng tái tạo	3	1	4	Sáng	D9-203	LT+BT	30	Lê Thị Minh Châu
104823		EE2012	Kỹ thuật điện	6	3	4	Sáng	D9-105	LT	150	Nguyễn Bích Liên
104824	104823	EE2012	Kỹ thuật điện	6	5	6	Sáng	D9-105	BT	75	Nguyễn Bích Liên
104825	104823	EE2012	Kỹ thuật điện	6	5	6	Sáng	D9-105	BT	75	Nguyễn Bích Liên
104826		EE2012	Kỹ thuật điện	6	1	2	Sáng	D9-106	LT	150	Nguyễn Bích Liên
104827	104826	EE2012	Kỹ thuật điện	4	5	6	Sáng	D9-105	BT	75	Nguyễn Bích Liên
104828	104826	EE2012	Kỹ thuật điện	4	5	6	Sáng	D9-105	BT	75	Nguyễn Bích Liên
104852		EE2012	Kỹ thuật điện	5	5	6	Sáng	D9-101	LT	170	Nguyễn Nga Việt

THỜI KHÓA BIỂU KỲ 20181 - VIỆN ĐIỆN

Mã lớp	Mã lớp kèm	Mã HP	Tên HP	Thứ	BĐ	KT	Kíp	Phòng	Loại lớp	SLDK	Cán bộ giảng dạy
104853	104852	EE2012	Kỹ thuật điện	5	3	4	Sáng	D9-305	BT	80	Nguyễn Nga Việt
104854	104852	EE2012	Kỹ thuật điện	5	3	4	Sáng	D9-101	BT	90	Nguyễn Nga Việt
105402		EE2012	Kỹ thuật điện	5	1	2	Chiều	TC-312	LT	150	Bùi Minh Định
105403	105402	EE2012	Kỹ thuật điện	5	5	6	Chiều	TC-510	BT	75	Bùi Minh Định
105404	105402	EE2012	Kỹ thuật điện	5	5	6	Chiều	TC-510	BT	75	Bùi Minh Định
105973	105973	EE2012	Kỹ thuật điện	5	4	6	Sáng	TC-404	LT+BT	110	Bùi Minh Định
105974	105974	EE2012	Kỹ thuật điện	5	1	3	Sáng	TC-405	LT+BT	100	Nguyễn Thanh Sơn
105070	105070	EE3081	Máy điện II	4	5	6	Sáng	D3-403	LT+BT	50	Triệu Việt Linh
105070	105070	EE3081	Máy điện II	6	5	6	Sáng	D3-403	LT+BT	50	Triệu Việt Linh
104991	104991	EE3091	Khí cụ điện	2	2	3	Sáng	TC-406	LT+BT	50	Phùng Anh Tuấn
104981	104981	EE3140	Máy điện I	6	1	3	Sáng	TC-513	LT+BT	90	Đặng Quốc Vương
104982	104982	EE3140	Máy điện I	6	4	6	Sáng	TC-512	LT+BT	90	Trần Tuấn Vũ
104995	104995	EE3140	Máy điện I	4	1	3	Sáng	TC-205	LT+BT	90	Nguyễn Vũ Thanh
104996	104996	EE3140	Máy điện I	4	4	6	Sáng	TC-204	LT+BT	90	Bùi Đức Hùng
104997	104997	EE3140	Máy điện I	3	1	3	Sáng	TC-404	LT+BT	90	Nguyễn Vũ Thanh
105084	105084	EE3141	Máy điện cơ sở	4	4	6	Sáng	D4-303	LT+BT	40	Đặng Quốc Vương
104989	104989	EE3242	Khí cụ điện	5	1	2	Sáng	TC-512	LT+BT	80	Hoàng Anh
104990	104990	EE3242	Khí cụ điện	5	5	6	Sáng	TC-512	LT+BT	80	Hoàng Anh
105011	105011	EE3242	Khí cụ điện	2	5	6	Sáng	TC-513	LT+BT	80	Phùng Anh Tuấn
105021	105021	EE4070	Điều khiển thiết bị điện	3	1	3	Chiều	TC-407	LT+BT	90	Nguyễn Thanh Sơn
105023	105023	EE4082	Kỹ thuật chiếu sáng	2	5	6	Chiều	TC-306	LT+BT	80	Phạm Hùng Phi
105023	105023	EE4082	Kỹ thuật chiếu sáng	5	1	2	Chiều	TC-308	LT+BT	80	Phạm Hùng Phi
105022	105022	EE4090	Khí cụ điện cao áp	3	4	6	Chiều	TC-407	LT+BT	100	Đặng Chí Dũng
105046	105046	EE4207	Thiết kế thiết bị điều khiển	2	5	6	Sáng	D3-402	LT+BT	30	Nguyễn Thanh Sơn
105046	105046	EE4207	Thiết kế thiết bị điều khiển	4	1	2	Sáng	D3-402	LT+BT	30	Nguyễn Thanh Sơn
105083	105083	EE4231	Bảo dưỡng công nghiệp	5	4	6	Sáng	D3-402	LT+BT	50	Nguyễn Văn Ánh
105048	105048	EE4241	Hệ thống cung cấp điện cho các tòa nhà	6	1	3	Sáng	D3-402	LT+BT	60	Nguyễn Văn Ánh
105045	105045	EE5211	Thiết kế khí cụ điện	2	1	4	Sáng	D3-402	LT+BT	30	Đặng Chí Dũng
105613	105613	EE3339	Điều khiển và tự động hóa QTSX	4	3	6	Chiều	TC-309	LT+BT	50	TS. Nguyễn Huy Phương
104983	104983	EE3410	Điện tử công suất	4	1	3	Sáng	TC-512	LT+BT	90	Phạm Việt Phương
104984	104984	EE3410	Điện tử công suất	4	4	6	Sáng	TC-513	LT+BT	90	Nguyễn Kiên Trung
104998	104998	EE3410	Điện tử công suất	6	1	3	Sáng	TC-204	LT+BT	90	Đỗ Mạnh Cường
104999	104999	EE3410	Điện tử công suất	6	4	6	Sáng	TC-205	LT+BT	90	Trần Trọng Minh

THỜI KHÓA BIỂU KỲ 20181 - VIỆN ĐIỆN

Mã lớp	Mã lớp kèm	Mã HP	Tên HP	Thứ	BĐ	KT	Kíp	Phòng	Loại lớp	SLDK	Cán bộ giảng dạy
105000	105000	EE3410	Điện tử công suất	4	1	3	Sáng	TC-507	LT+BT	90	Vũ Hoàng Phương
105076	105076	EE3411	Hệ thống biến đổi điện cơ	3	1	3	Sáng	D3-403	LT+BT	80	Tạ Duy Hà
105077	105077	EE3411	Hệ thống biến đổi điện cơ	3	4	6	Sáng	D3-402	LT+BT	80	Võ Minh Chính
105073	105073	EE3481	Vi điều khiển và ứng dụng	2	1	3	Sáng	D9-107	LT+BT	30	Nguyễn Danh Huy
105013	105013	EE3510	Truyền động điện	2	1	3	Sáng	D9-507	LT+BT	80	Nguyễn Văn Liễn
104802	104802	EE3539	Truyền động điện	3	1	3	Sáng	D9-105	LT+BT	130	Nguyễn Tùng Lâm
105012	105012	EE3550	Điều khiển quá trình	6	1	3	Chiều	TC-306	LT+BT	80	TS. Nguyễn Huy Phương
105025	105025	EE4220	Điều khiển logic và PLC	2	1	4	Chiều	TC-407	LT+BT	85	Phan Thị Huyền Châu
105026	105026	EE4220	Điều khiển logic và PLC	2	5	6	Chiều	TC-407	LT+BT	85	Đỗ Trọng Hiếu
105026	105026	EE4220	Điều khiển logic và PLC	4	5	6	Chiều	TC-410	LT+BT	85	Đỗ Trọng Hiếu
105027	105027	EE4220	Điều khiển logic và PLC	4	1	4	Chiều	TC-212	LT+BT	85	Phan Thị Huyền Châu
105079	105079	EE4225	Điều khiển PLC và mạng công nghiệp	6	1	2	Sáng	D3-403	LT+BT	80	Phan Thị Huyền Châu
105080	105080	EE4225	Điều khiển PLC và mạng công nghiệp	6	3	4	Sáng	D3-403	LT+BT	80	Nguyễn Danh Huy
105036	105036	EE4240	Trang bị điện-điện tử các máy công nghiệp	2	1	4	Chiều	TC-213	LT+BT	80	Lê Minh Hà
105037	105037	EE4240	Trang bị điện-điện tử các máy công nghiệp	2	5	6	Chiều	TC-212	LT+BT	80	Lê Minh Hà
105037	105037	EE4240	Trang bị điện-điện tử các máy công nghiệp	4	5	6	Chiều	TC-212	LT+BT	80	Lê Minh Hà
105038	105038	EE4240	Trang bị điện-điện tử các máy công nghiệp	4	1	4	Chiều	TC-213	LT+BT	80	Minh Hà
105058	105058	EE4300	Hệ thống thu thập dữ liệu và điều khiển bằng máy tính	2	1	4	Sáng	T-511	LT+BT	50	Võ Duy Thành
105059	105059	EE4316	Mô hình hoá và mô phỏng	4	1	3	Sáng	T-410	LT+BT	70	Đỗ Mạnh Cường
105065	105065	EE4323	Hệ thống tự động hóa nhà máy nhiệt điện	6	1	3	Sáng	T-511	LT+BT	60	Vũ Hoàng Phương+ Nguyễn Huy Phương
105063	105063	EE4325	Hệ thống tự động hóa nhà máy xi măng	4	1	3	Sáng	T-511	LT+BT	70	Nguyễn Mạnh Tiến
105060	105060	EE4330	Hệ thống sản xuất Tự động hóa tích hợp máy tính	4	4	6	Sáng	T-511	LT+BT	50	Nguyễn Phạm Thục Anh+ Phan Thị Huyền Châu
105057	105057	EE4336	Thiết kế hệ thống điều khiển điện tử công suất	3	4	6	Sáng	T-405	LT+BT	120	Vũ Hoàng Phương
105054	105054	EE4341	Kỹ thuật Robot	5	3	6	Sáng	T-405	LT+BT	100	Nguyễn Mạnh Tiến
105039	105039	EE4422	Vi điều khiển và ứng dụng	3	1	3	Chiều	TC-213	LT+BT	80	Nguyễn Hồng Quang
105040	105040	EE4422	Vi điều khiển và ứng dụng	3	4	6	Chiều	TC-213	LT+BT	80	Nguyễn Hồng Quang
105041	105041	EE4422	Vi điều khiển và ứng dụng	6	4	6	Chiều	TC-213	LT+BT	80	Võ Duy Thành

THỜI KHÓA BIỂU KỲ 20181 - VIỆN ĐIỆN

Mã lớp	Mã lớp kèm	Mã HP	Tên HP	Thứ	BĐ	KT	Kíp	Phòng	Loại lớp	SLDK	Cán bộ giảng dạy
105034	105034	EE4423	Thiết bị khí nén và thủy lực trong tự động hóa	2	1	4	Chiều	TC-212	LT+BT	90	Nguyễn Danh Huy
105035	105035	EE4423	Thiết bị khí nén và thủy lực trong tự động hóa	2	5	6	Chiều	TC-213	LT+BT	90	Nguyễn Quang Địch
105035	105035	EE4423	Thiết bị khí nén và thủy lực trong tự động hóa	4	5	6	Chiều	TC-213	LT+BT	90	Nguyễn Quang Địch
105062	105062	EE4540	Điều khiển máy CNC	6	4	6	Sáng	T-511	LT+BT	80	Nguyễn Tùng Lâm
104987	104987	EE3490	Kỹ thuật lập trình	2	1	4	Sáng	TC-512	LT+BT	80	Nguyễn Việt Tùng
104988	104988	EE3490	Kỹ thuật lập trình	2	5	6	Sáng	TC-512	LT+BT	80	Mạc Đăng Khoa
104988	104988	EE3490	Kỹ thuật lập trình	5	3	4	Sáng	TC-512	LT+BT	80	Mạc Đăng Khoa
105006	105006	EE3490	Kỹ thuật lập trình	2	1	4	Sáng	TC-513	LT+BT	80	Vũ Hải
105007	105007	EE3490	Kỹ thuật lập trình	3	5	6	Sáng	TC-513	LT+BT	80	Đỗ Thị Ngọc Diệp
105007	105007	EE3490	Kỹ thuật lập trình	5	5	6	Sáng	TC-513	LT+BT	80	Đỗ Thị Ngọc Diệp
105008	105008	EE3490	Kỹ thuật lập trình	3	1	4	Sáng	TC-513	LT+BT	80	Đào Trung Kiên
105044	105044	EE4253	Cơ sở dữ liệu	5	4	6	Chiều	TC-410	LT+BT	120	Lê Thị Lan
105056	105056	EE4347	Điều khiển truyền động điện	2	5	6	Sáng	T-511	LT+BT	85	Nguyễn Phùng Quang
105056	105056	EE4347	Điều khiển truyền động điện	5	1	2	Sáng	T-405	LT+BT	85	Nguyễn Phùng Quang
105031	105031	EE4435	Hệ thống điều khiển số	6	4	6	Chiều	TC-212	LT+BT	80	Quang
105064	105064	EE5220	Hệ thống tự động hóa nhà máy giấy	6	4	6	Sáng	T-410	LT+BT	80	Phạm Quang Đăng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI
VIỆN ĐIỆN

THỜI KHÓA BIỂU KỲ 20181 - VIỆN ĐIỆN

Mã lớp	Mã lớp kèm	Mã HP	Tên HP	Khối lượng	Ghi chú	Thứ	Tiết BD	Tiết KT	Kíp	Phòng	Cán bộ giảng dạy
104023	104023	EE2000	Tín hiệu và hệ thống	3(3-1-0-6)	**KSTN-ĐKTĐ-K62S	6	2	4	Sáng	D6-302	TS. Đỗ Thị Tú Anh
104164	104164	EE3000E	Tín hiệu và hệ thống	4(3-2-0-8)	**CTTT Điện-Điện tử-K61S	5	3	6	Sáng	D6-303	TS. Đỗ Thị Tú Anh
103989	103989	EE3280	Lý thuyết điều khiển I	3(3-1-0-6)	**KSTN-ĐTVT-K61C	2	1	4	Chiều	D6-105	GS. Nguyễn Doãn Phước
104147	104147	EE3280E	Lý thuyết điều khiển tự động I	3(3-1-0-6)	**CTTT-Điện ĐT-K60C	3	1	2	Chiều	D6-302	TS. Vũ Thị Thúy Nga
104147	104147	EE3280E	Lý thuyết điều khiển tự động I	3(3-1-0-6)	**CTTT-Điện ĐT-K60C	5	5	6	Chiều	D6-302	TS. Vũ Thị Thúy Nga
104132	104132	EE3550E	Điều khiển quá trình	3(3-1-0-6)	**CTTT-ĐKTĐ-K59S	5	3	6	Sáng	D6-304	ThS. Đinh Thị Lan Anh
103944	103944	EE3820	Đồ án II	2(0-0-4-4)	**KSTN-ĐKTĐ-K60S						Bộ môn
103945	103945	EE3910	Thực tập kỹ thuật	2(0-0-6-4)	**KSTN-ĐKTĐ-K60S						Bộ môn
103946	103946	EE4220	Điều khiển logic và PLC	3(3-1-0-6)	**KSTN-ĐKTĐ-K60S	6	3	6	Sáng	D6-103	TS. Vũ Văn Hà
103947	103947	EE4230	Lý thuyết điều khiển II	3(3-1-0-6)	**KSTN-ĐKTĐ-K60S	3	1	4	Sáng	D6-103	GS. Nguyễn Doãn Phước
104133	104133	EE4230E	Lý thuyết điều khiển tự động 2	3(3-1-0-6)	**CTTT-ĐKTĐ-K59S	3	5	6	Sáng	D6-301	TS. Đào Phương Nam
104133	104133	EE4230E	Lý thuyết điều khiển tự động 2	3(3-1-0-6)	**CTTT-ĐKTĐ-K59S	5	1	2	Sáng	D6-304	TS. Đào Phương Nam
104134	104134	EE4319E	Điều khiển mờ và mạng nơron	3(3-0-0-6)	**CTTT-ĐKTĐ-K59S	2	4	6	Sáng	D6-205	TS. Nguyễn Hoài Nam
104135	104135	EE4401E	Thiết kế hệ điều khiển nhúng (BTL)	3(2-2-0-6)	**CTTT-ĐKTĐ-K59S	3	1	4	Sáng	D6-301	ThS. Chu Đức Việt
103914	103914	EE4416	Hệ sự kiện rời rạc	3(3-1-0-6)	**KSTN-ĐKTĐ-K59C	3	1	4	Chiều	D6-101	ThS. Đinh Thị Lan Anh
103915	103915	EE4424	Điều khiển hệ Euler-Lagrange	2(2-0-0-4)	**KSTN-ĐKTĐ-K59C	3	5	6	Chiều	D6-101	TS. Đào Phương Nam
103916	103916	EE4433	Tối ưu hoá và điều khiển tối ưu	3(3-1-0-6)	**KSTN-ĐKTĐ-K59C	6	1	4	Chiều	D6-101	GS. Nguyễn Doãn Phước
103949	103949	EE4435	Hệ thống điều khiển số	3(3-0-1-6)	**KSTN-ĐKTĐ-K60S	4	1	3	Sáng	D6-101	ThS. Chu Đức Việt
104131	104131	EE4435E	Hệ thống điều khiển số	3(3-1-0-6)	**CTTT-ĐKTĐ-K59S	4	3	6	Sáng	D6-304	TS. Vũ Thị Thúy Nga
103917	103917	EE4438	Đồ án thiết kế hệ thống điều khiển tự động	2(0-0-4-4)	**KSTN-ĐKTĐ-K59C						Bộ môn
104019	104019	EE2020	Lý thuyết mạch điện I	4(3-1-1-8)	**KSTN-CDT,ĐKTĐ-K62S	3	1	4	Sáng	D6-107	Nguyễn Thế Thắng
103985	103985	EE2030	Trường điện từ	2(2-0-1-4)	**KSTN-ĐKTĐ-K61C	6	5	6	Chiều	D6-105	Nguyễn Thế Thắng
104152	104152	EE3009E	Hệ thống truyền thông công nghiệp	2(2-0-1-4)	**CTTT-Điện ĐT-K60C	4	5	6	Chiều	D6-302	Bùi Đăng Thành
104160	104160	EE3033E	Nguyên lý trường điện từ	4(4-1-0-6)	**CTTT Điện-Điện tử-K61S	2	1	2	Sáng	D6-303	Nguyễn Công Phương
104160	104160	EE3033E	Nguyên lý trường điện từ	4(4-1-0-6)	**CTTT Điện-Điện tử-K61S	4	4	6	Sáng	D6-303	Nguyễn Công Phương
103980	103980	EE3110	Kỹ thuật đo lường	3(3-0-1-6)	**KSTN-ĐKTĐ-K61C	3	1	3	Chiều	D6-105	Phạm Thị Ngọc Yến
103983	103983	EE3480	Vi xử lý	3(3-0-1-6)	**KSTN-ĐKTĐ-K61C	4	4	6	Chiều	D6-105	Trần Thị Anh Xuân
104091	104091	EE3596	Điện tử tương tự và ứng dụng	4(3-0-1-6)	**KSCLC-THCN, HTTT&TT-K61S	2	1	3	Sáng	D6-205	Nguyễn Quốc Cường
104089	104089	EE3616	Biến đổi tín hiệu số và ứng dụng	4(3-2-0-8)	**KSCLC-THCN, HTTT&TT-K61C	6	3	6	Chiều	D6-302	Phạm Thị Ngọc Yến+Nguyễn Thanh Hương
104095	104095	EE3617	Mạch và năng lượng điện	3(2-1-1-4)	**KSCLC-THCN-K61C	3	1	3	Chiều	D6-305	Trần Thị Thảo

Mã lớp	Mã lớp kèm	Mã HP	Tên HP	Khối lượng	Ghi chú	Thứ	Tiết BD	Tiết KT	Kíp	Phòng	Cán bộ giảng dạy
104074	104074	EE3676	Thiết bị đo điện tử	3(3-1-0-6)	**KSCLC-THCN-K60S	6	1	3	Sáng	D6-106	Lê Minh Thùy
104158	104158	EE3706	Mạch tuyến tính 1	3(3-1-0-6)	**CTTT-Cơ điện tử-K61S	2	1	4	Sáng	D6-304	Nguyễn Việt Sơn
104162	104162	EE3706	Mạch tuyến tính 1	3(3-1-0-6)	**CTTT Điện-Điện tử-K61S	4	2	3	Sáng	D6-303	Cung Thành Long
104162	104162	EE3706	Mạch tuyến tính 1	3(3-1-0-6)	**CTTT Điện-Điện tử-K61S	6	5	6	Sáng	D6-303	Cung Thành Long
104159	104159	EE3716	TN Mạch tuyến tính 1	1(0-0-1-0)	**CTTT-Cơ điện tử-K61S						Nguyễn Việt Sơn
104144	104144	EE3736	Điện tử 1	4(4-1-0-8)	**CTTT-CĐT-K60C	4	1	3	Chiều	D6-102	Nguyễn Cảnh Quang
104144	104144	EE3736	Điện tử 1	4(4-1-0-8)	**CTTT-CĐT-K60C	6	5	6	Chiều	D6-102	Nguyễn Cảnh Quang
104117	104117	EE3766	Mạch giao diện máy tính	4(4-1-0-8)	**CTTT-CĐT-K59S	2	1	3	Sáng	D9-204	Vũ Đức Trọng
104117	104117	EE3766	Mạch giao diện máy tính	4(4-1-0-8)	**CTTT-CĐT-K59S	3	5	6	Sáng	D9-204	Vũ Đức Trọng
104042	104042	EE4603	Mạng cục bộ công nghiệp	2(2-1-0-4)	**KSCLC-THCN-K59C	3	1	3	Chiều	D6-301	Đào Đức Thịnh
104043	104043	EE4604	Các hệ thống thời gian thực	2(2-0-0-4)	**KSCLC-THCN-K59C	5	5	6	Chiều	D6-301	Nguyễn Quốc Cường
104044	104044	EE4605	Mô hình hoá các hệ thống rời rạc	2(2-1-0-4)	**KSCLC-THCN-K59C	4	4	5	Chiều	D6-301	Nguyễn Tuấn Ninh
104045	104045	EE4606	Đánh giá hiệu năng của các quá trình sản xuất	2(2-0-0-2)	**KSCLC-THCN-K59C	5	1	2	Chiều	D6-301	Nguyễn Anh Tuấn
104046	104046	EE4607	Robot công nghiệp	3(3-0-0-6)	**KSCLC-THCN-K59C	2	4	6	Chiều	D6-205	Trần Văn Tuấn
104047	104047	EE4608	Đo và điều khiển công nghiệp	3(3-0-1-4)	**KSCLC-THCN-K59C	4	1	3	Chiều	D6-301	Bùi Đăng Thành
104048	104048	EE4610	Cảm biến và đo lường thông minh	2(2-1-0-4)	**KSCLC-THCN-K59C	5	3	4	Chiều	D6-301	Hoàng Sĩ Hồng
104049	104049	EE4611	An ninh và quản trị mạng	3(3-0-0-6)	**KSCLC-THCN-K59C	6	4	6	Chiều	D6-301	Đào Trung Kiên
104015	104015	EE2012	Kỹ thuật điện	2(2-1-0-4)	**KSTN-ĐTVT-K62S	2	4	6	Sáng	D6-105	Phạm Hùng Phi
103981	103981	EE3140	Máy điện I	3(3-0-1-6)	**KSTN-ĐKTĐ-K61C	3	4	6	Chiều	D6-105	Triệu Việt Linh
104077	104077	EE3196	Máy điện	2(2-1-0-4)	**KSCLC-THCN-K60S	5	4	6	Sáng	D6-106	Trần Tuấn Vũ
104075	104075	EE3649	Cơ sở điện tử công suất	3(3-0-1-6)	**KSCLC-THCN-K60S	5	1	3	Sáng	D6-106	Nguyễn Thế Công
103982	103982	EE3410	Điện tử công suất	3(3-0-1-6)	**KSTN-ĐKTĐ-K61C	4	1	3	Chiều	D6-105	Võ Minh Chính
104076	104076	EE4226	Điều khiển logic và PLC	3(3-1-0-6)	**KSCLC-THCN-K60S	3	1	4	Sáng	D6-206	Đỗ Trọng Hiếu
103948	103948	EE4341	Kỹ thuật Robot	3(3-1-0-6)	**KSTN-ĐKTĐ-K60S	3	5	6	Sáng	D6-103	Nguyễn Phạm Thực Anh + Nguyễn Mạnh Tiến
103948	103948	EE4341	Kỹ thuật Robot	3(3-1-0-6)	**KSTN-ĐKTĐ-K60S	6	1	2	Sáng	D6-103	Nguyễn Phạm Thực Anh + Nguyễn Mạnh Tiến
104022	104022	EE1010	Nhập môn kỹ thuật ngành điện	3(2-0-3-6)	**KSTN-ĐKTĐ-K62S	3	5	6	Sáng	D6-107	
103984	103984	EE3490	Kỹ thuật lập trình	3(3-1-0-6)	**KSTN-ĐKTĐ-K61C	6	1	4	Chiều	D6-105	Lê Minh Hoàng
104151	104151	EE3490E	Kỹ thuật lập trình	3(2-2-0-6)	**CTTT-Điện ĐT-K60C	5	1	4	Chiều	D6-302	Đào Trung Kiên